

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29../2024/CV-CBTT

Tp.HCM, ngày 14 tháng 06 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

- Mã chứng khoán: SBB
- Địa chỉ: 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: 028.3829.3586
- E-mail: info@sabibeco.com

2. Loại thông tin công bố:

☒ Định kỳ ☐ 24h ☐ 72h ☐ Theo yêu cầu ☐ Khác

3. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bía Sài Gòn Bình Tây công bố thông tin Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/06/2024 tại đường dẫn <https://sabibeco.com/thong-tin-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



Người Ủy quyền CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Văn Chảo Nguyễn

Tài liệu đính kèm:

- Thông báo mời họp ĐHĐCĐTN 2024;
- Tài liệu ĐHĐCĐTN 2024;

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT, VP;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

ĐT: 028.3824 3586; Fax: 028.3915 1856

Website: www.sabibeco.com

-----oOo-----



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 07 năm 2024

DANH MỤC TÀI LIỆU

- 1) Chương trình đại hội
- 2) Quy chế tổ chức đại hội
- 3) Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023
- 4) Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2023
- 5) Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 6) Báo cáo của Ban kiểm soát
- 7) Báo cáo của Ban điều hành
- 8) Tờ trình việc trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2023
- 9) Tờ trình kế hoạch trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2024
- 10) Tờ trình quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023
- 11) Tờ trình kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024
- 12) Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2024
- 13) Tờ trình gia hạn nhiệm kỳ Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
- 14) Tờ trình về Hoàn nhập quỹ ĐTPT sang LNCPP

Tp. HCM, ngày 10 tháng 06 năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

Thời gian: ngày 04 / 07 / 2024

THỜI GIAN	NỘI DUNG	CHỦ TRÌ
CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN		
8h00 - 8h30	Đón tiếp, đăng ký cổ đông tham dự Đại hội	Ban tổ chức
8h30 - 8h45	Tuyên bố lý do	Ban tổ chức
	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
	Thông qua Chủ tọa đoàn, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu	Ban tổ chức
	Thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức đại hội	Ban tổ chức
8h45 - 9h15	Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả SXKD năm 2023 và Chỉ tiêu kế hoạch năm 2024	Ban TGD HĐQT Ban kiểm soát
	Báo cáo của Hội đồng Quản trị	
	Báo cáo của Ban kiểm soát, công tác giám sát và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023	
9h15 - 9h30	Nội dung tờ trình trình Đại hội	Chủ tọa đoàn
9h30 - 9h50	Ý kiến đóng góp của Đại hội	Chủ tọa đoàn
	Biểu quyết thông qua tờ trình đại hội	
9h50-10h10	Nghỉ giải lao, Ban kiểm phiếu làm việc	Ban kiểm phiếu
10h10-10h20	Công bố kết quả biểu quyết các tờ trình đại hội	Ban kiểm phiếu Ban thư ký
	Biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội	
10h20	Bế mạc đại hội	Chủ tọa đoàn



Văn Thanh Liêm

Tp.HCM, ngày 12 tháng 06 năm 2024

QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2022/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2022;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng Quản trị Công ty xây dựng Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 như sau:

Điều 1: Những quy định chung

1. Phạm vi áp dụng: Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây.
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành đại hội.
3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

Điều 2: Điều kiện tiến hành đại hội

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Đại hội sẽ tiến hành lần lượt theo nội dung chương trình do Chủ tọa công bố và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 3: Điều kiện cổ đông tham dự

1. Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong Danh sách Người sở hữu chứng khoán của Công ty tại thời điểm ngày 04 tháng 06 năm 2024.
2. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản và:
 - a. Là cá nhân thì phải được ký bởi người ủy quyền;
 - b. Là tổ chức phải được người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp lệ của tổ chức đó ký và đóng dấu;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông.
3. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
4. Người đại diện theo ủy quyền không được ủy quyền tiếp cho người thứ 3 tham dự Đại hội.

Điều 4: Khách mời đại hội

1. Khách mời có thể là các chức danh quản lý của Công ty, các đối tác, cơ quan chính quyền, báo chí, thành viên trong Ban tổ chức đại hội không phải là cổ đông của Công ty nhưng được mời tham dự đại hội. Danh sách khách mời này được Hội đồng quản trị phê duyệt.
2. Khách mời không được tham gia phát biểu tại đại hội (trừ trường hợp được chủ tọa mời, hoặc đăng ký với ban tổ chức đại hội và được chủ tọa đồng ý) và không được biểu quyết tại đại hội.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự đại hội.

- a. Thực hiện thủ tục đăng ký tư cách cổ đông tham dự đại hội, nhận phiếu biểu quyết và Tài liệu đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường đại hội.
- b. Thủ tục đăng ký tư cách cổ đông gồm Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu và Giấy ủy quyền (bản gốc) đối với người đại diện theo ủy quyền tham dự đại hội.
- c. Tham dự, thảo luận, và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của đại hội, một cổ phần phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết.
- d. Cổ đông đến đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội, chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.
- e. Nghiêm túc chấp hành Quy chế, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

- a. Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội do Ban tổ chức đại hội đề cử.
- b. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có nhiệm vụ tiếp nhận, kiểm tra các loại giấy tờ chứng minh tư cách cổ đông của cổ đông hoặc người đại diện được cổ đông ủy quyền thay mặt cổ đông tham dự đại hội. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước đại hội.
- c. Trường hợp người đến dự đại hội không chứng minh được đầy đủ tư cách cổ đông tham dự đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối cấp phiếu biểu quyết và tài liệu họp.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa

- a. Chủ tọa đại hội là Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- b. Chủ trì đại hội, quyết định trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình đại hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây.
- c. Hướng dẫn đại hội thảo luận các nội dung các tờ trình và kết luận các vấn đề cần thiết để đại hội biểu quyết. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
- d. Tra lời hoặc cơ quan bộ quản lý có liên quan tra lời các vấn đề do đại hội yêu cầu và giải thích các vấn đề phát sinh trong thời gian đại hội diễn ra.

Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký đại hội

- a. Ban thư ký đại hội do Chủ tọa chỉ định.

- b. Ban thư ký đại hội thực hiện các công việc trợ giúp đại hội theo sự phân công của Chủ tọa, tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu ý kiến của cổ đông, ghi chép, phản ánh trung thực, chính xác toàn bộ nội dung của đại hội trong Biên bản và Nghị quyết đại hội.

Điều 9: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

- a. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không đồng thời là Chủ tọa hoặc Ban Thư ký đại hội.
- b. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ: Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và đại diện được ủy quyền; Tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu; Công bố kết quả kiểm phiếu một cách trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm phiếu trước đại hội.

Điều 10: Phát biểu ý kiến tại đại hội

- a. Việc thảo luận được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;
- b. Cổ đông khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa nhất trí mới được phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 05 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.
- c. Trên cơ sở câu hỏi của cổ đông, chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến cổ đông;
- d. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 11: Biểu quyết thông qua các vấn đề đại hội

- a. Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.
- b. Mỗi cổ đông/người được ủy quyền sẽ được cấp một Phiếu biểu quyết có đóng dấu treo công ty dùng để biểu quyết, trong đó có ghi họ tên, số đăng ký sở hữu (Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu) và số cổ phần có quyền biểu quyết.
- c. Từng vấn đề được đưa ra trước đại hội thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ đều được xin ý kiến biểu quyết bằng phương thức điền vào Phiếu biểu quyết, trong đó có ba (03) ý kiến: *Đồng ý* hoặc *Không đồng ý*, hoặc *Không có ý kiến* với từng vấn đề. Cổ đông/người được ủy quyền đánh dấu “X” hoặc “V” vào ô mình chọn.
- d. Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, thay đổi nội dung in ấn. Khi có bổ sung nội dung thì ghi đúng số thứ tự của nội dung cần biểu quyết, không viết thêm nội dung khác ngoại trừ nội dung theo yêu cầu của Ban tổ chức. Mỗi nội dung biểu quyết chỉ chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.
- e. Phiếu biểu quyết không hợp lệ là các phiếu không đáp ứng được một trong các điều kiện của Phiếu biểu quyết hợp lệ. Tuy nhiên các nội dung biểu quyết còn lại được biểu quyết hợp lệ vẫn sẽ được tính vào kết quả biểu quyết.
- f. Một vấn đề được biểu quyết thông qua khi tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết đạt tỷ lệ trên 50% (theo quy định tại Điều 21, Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Bía Sài Gòn Bình Tây và Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.
- g. Đối với các nội dung liên quan đến Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý

Công ty: Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Tổ chức lại, giải thể Công ty được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

- h. Ban thư ký ghi nhận kết quả biểu quyết của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền.

Điều 12: Biên bản và nghị quyết đại hội cổ đông

- Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 phải được Ban Thư ký ghi vào Biên bản của Đại hội.
- Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 phải được thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
- Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty cổ phần Tập đoàn BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY.
- Biên bản và Nghị quyết Đại hội được công bố trên website công ty trong vòng 24 giờ (không kể ngày nghỉ và ngày lễ) kể từ ngày Đại hội kết thúc.

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 được trình bày trước Đại hội và có hiệu lực ngay khi được thông qua chấp thuận của ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia đại hội.



VĂN THANH LIÊM

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA
SÀI GÒN BÌNH TÂY**

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 30



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Khái quát

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304116373 ngày 25 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (trước đây là số 4103004075). Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 8 năm 2018 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm, rượu bia, nước giải khát; sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất, chế biến tại trụ sở). Xây dựng công nghiệp, dân dụng, cầu đường, giao thông thủy lợi. Mua bán nông sản, thực phẩm, rượu bia, nước giải khát. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Kinh doanh nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở).

Trụ sở chính của Công ty tại số 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Văn Thanh Liêm	Chủ tịch
Ông Văn Thảo Nguyên	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên
Ông Phạm Tấn Lợi	Thành viên
Ông Đinh Quang Hải	Thành viên
Ông Đặng Thái	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Văn Thảo Nguyên	Phó tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó tổng Giám đốc
Bà Văn Bảo Ngọc	Phó tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Văn Bá Nam	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên
Bà Bùi Thị Thái Hà	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với Báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Văn Thanh Liêm

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 27 tháng 3 năm 2024



Số: 37-2/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây được lập ngày 27 tháng 3 năm 2024, từ trang 5 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Ngọc Tuấn

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2837-2024-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4817-2024-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		435.146.735.483	441.141.154.721
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	33.524.408.935	25.903.921.134
1. Tiền	111		33.524.408.935	25.903.921.134
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		231.678.165.659	264.943.933.250
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	157.635.286.201	180.287.984.645
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	675.022.561	600.334.625
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	35.000.000.000	45.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	38.614.956.781	39.055.613.980
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(247.099.884)	
III. Hàng tồn kho	140	V.7	168.528.298.529	148.614.307.713
1. Hàng tồn kho	141		168.528.298.529	148.614.307.713
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.415.862.360	1.678.992.624
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	578.778.194	841.908.458
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.13	837.084.166	837.084.166
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.063.696.853.871	2.268.430.300.292
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		166.000.000	186.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	166.000.000	186.000.000
II. Tài sản cố định	220		670.636.151.465	767.672.845.171
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	603.978.750.534	699.029.357.408
- Nguyên giá	222		2.054.691.398.991	2.058.307.286.791
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.450.712.648.457)	(1.359.277.929.383)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	66.657.400.931	68.643.487.763
- Nguyên giá	228		85.758.649.990	85.758.649.990
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.101.249.059)	(17.115.162.227)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	1.303.361.460.195	1.384.767.843.408
1. Đầu tư vào công ty con	251		978.653.450.464	978.653.450.464
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		463.500.000.000	463.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.166.850.000	22.166.850.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(160.958.840.269)	(79.552.457.056)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		89.533.242.211	115.803.611.713
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	75.365.758.524	101.767.208.789
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		14.167.483.687	14.036.402.924
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.498.843.589.354	2.709.571.455.013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		486.178.034.487	592.675.757.276
I. Nợ ngắn hạn	310		486.178.034.487	547.831.256.430
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	53.089.948.662	41.226.449.133
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	18.734.030.456	10.456.217.275
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	115.407.153.799	121.411.026.046
4. Phải trả người lao động	314		7.635.800.084	8.138.479.924
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	7.305.362.920	9.882.043.728
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	16.808.538.516	8.101.874.234
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	266.875.572.729	346.465.400.269
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		321.627.321	2.149.765.821
II. Nợ dài hạn	330		-	44.844.500.846
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	-	44.844.500.846
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.012.665.554.867	2.116.895.697.737
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	2.012.665.554.867	2.116.895.697.737
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		875.245.360.000	875.245.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		875.245.360.000	875.245.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		436.708.750.464	436.708.750.464
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		495.910.465.337	495.910.465.337
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		204.800.979.066	309.031.121.936
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		265.268.853.936	326.068.449.426
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(60.467.874.870)	(17.037.327.490)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.498.843.589.354	2.709.571.455.013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hoàng Lan Hương

Nguyễn Thị Hiếu

Văn Thanh Liêm

Ngày 27 tháng 3 năm 2024



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.134.636.901.685	1.214.115.517.272
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.134.636.901.685	1.214.115.517.272
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.080.637.748.216	1.133.840.682.596
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		53.999.153.469	80.274.834.676
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	47.093.453.727	9.605.586.234
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	116.529.180.720	58.202.528.251
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		35.020.836.090	33.679.204.671
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	22.729.620.481	26.538.258.561
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	22.507.796.438	21.668.386.201
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(60.673.990.443)	(16.528.752.103)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	282.223.260	240.331.089
12. Chi phí khác	32	VI.8	76.107.687	748.906.476
13. Lợi nhuận khác	40		206.115.573	(508.575.387)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(60.467.874.870)	(17.037.327.490)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(60.467.874.870)	(17.037.327.490)

Người lập biểu

Hoàng Lan Hương

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hiếu

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Văn Thanh Liêm



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(60.467.874.870)	(17.037.327.490)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	96.689.543.686	97.236.880.076
- Các khoản dự phòng	03	81.653.483.097	24.295.220.247
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(46.109.983.061)	(8.957.502.832)
- Chi phí lãi vay	06	35.020.836.090	33.679.204.671
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	106.786.004.942	129.216.474.672
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	26.638.877.488	78.814.893.197
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(20.045.071.579)	(49.494.959.571)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	22.720.802.360	2.444.705.695
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	26.664.580.529	(63.517.543.209)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(37.212.563.853)	(34.694.380.823)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.828.138.500)	(6.563.601.293)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	123.724.491.387	56.205.588.668
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định	21	(477.000.000)	(33.459.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	918.181.818	618.181.818
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	42.415.741.482	5.702.521.745
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	52.856.923.300	6.287.244.472
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	657.739.107.125	448.471.830.036
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(782.173.435.511)	(517.354.130.609)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(44.526.598.500)	(41.350.730.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(168.960.926.886)	(110.233.031.073)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	7.620.487.801	(47.740.197.933)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	25.903.921.134	73.644.119.067
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	33.524.408.935	25.903.921.134

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hoàng Lan Hương

Nguyễn Thị Hiếu

Văn Thanh Liêm

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304116373 ngày 25 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (trước đây là số 4103004075). Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 8 năm 2018 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 304 người (tại ngày 31/12/2022 là 311 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm, rượu bia, nước giải khát; sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất, chế biến tại trụ sở). Xây dựng công nghiệp, dân dụng, cầu đường, giao thông thủy lợi. Mua bán nông sản, thực phẩm, rượu bia, nước giải khát. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại. Kinh doanh nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con và công ty liên kết sau:

Tên công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu
Công ty con			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	Bán buôn đồ uống (rượu, bia, nước giải khát) và Dịch vụ nhà hàng; ...	200.000.000.000	100%
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	Sản xuất các loại bia	193.000.000.000	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Phú Lý	Sản xuất các loại bia	164.383.000.000	100%
Công ty liên kết			
Công ty CP Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	Sản xuất bình, ca, can, lon bằng kim loại; In bao bì; ...	560.892.510.000	38,96%
Công ty CP Bia Sài Gòn - Long Khánh	Sản xuất các loại bia	198.000.000.000	20,20%

Công ty có các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Nhà Máy Bia Sài Gòn - Bình Dương	Khu CN Tân Đông Hiệp B, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Nhà Máy Bia Sài Gòn - Hoàng Quỳnh	Khu CN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh
Nhà Máy Bia Sài Gòn - Đồng Tháp	Khu CN Trần Quốc Toản, Phường 11, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Một số khoản đầu tư khác vì không có đủ các thông tin cần thiết để lập dự phòng nên công ty không trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư này. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các khoản dự phòng đối với các khoản đầu tư này, nếu có, không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

5. Nguyên tắc kế toán phải thu về cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Hội đồng Quản trị thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	08 - 40 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	07 - 10 năm
- Dụng cụ quản lý	05 - 07 năm
- Tài sản khác	05 - 10 năm
- Phần mềm máy tính	07 năm
- Quyền sử dụng đất	41 - 49 năm

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh kỳ kế toán hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

18. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

20. Sử dụng các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định;
- Chi phí phải trả;
- Các khoản dự phòng.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Hội đồng quản trị đánh giá là hợp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	340.674.012	360.154.417
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.183.734.923	25.543.766.717
Cộng	33.524.408.935	25.903.921.134

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Đầu tư tài chính dài hạn

a) Đầu tư vào công ty con

	31/12/2023			01/01/2023		
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	100%	200.000.000.000	(97.429.545.907)	100%	200.000.000.000	(55.834.016.058)
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Phú Lý	100%	366.793.199.022	-	100%	366.793.199.022	-
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	100%	411.860.251.442	(47.050.973.851)	100%	411.860.251.442	-
Cộng		978.653.450.464	(144.480.519.758)		978.653.450.464	(55.834.016.058)

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2023			01/01/2023		
	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phiếu	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phiếu	Dự phòng VND
Công ty CP Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	38,96%	21.850.000	423.500.000.000 (14.978.320.511)	38,96%	21.850.000	423.500.000.000 (22.218.440.998)
Công ty CP Bia Sài Gòn - Long Khánh	20,20%	4.000.000	40.000.000.000 -	20,20%	4.000.000	40.000.000.000 -
Cộng		25.850.000	463.500.000.000 (14.978.320.511)		25.850.000	463.500.000.000 (22.218.440.998)

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	01/01/2023			
	Số cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
	100.000	1.500.000.000	(*)	(1.500.000.000)
	900.018	9.000.180.000	26.100.522.000	-
	1.166.667	11.666.670.000	32.900.009.400	-
		22.166.850.000		(1.500.000.000)

	01/01/2023			
	Số cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
	100.000	1.500.000.000	(*)	(1.500.000.000)
	900.018	9.000.180.000	26.100.522.000	-
	1.166.667	11.666.670.000	32.900.009.400	-
		22.166.850.000		(1.500.000.000)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do thiếu thông tin về giá tham chiếu trên thị trường nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư này chưa được trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan (Xem Thuyết minh VIII.2)	156.259.447.397	179.930.631.761
Bên thứ ba	1.375.838.804	357.352.884
Phải thu khách hàng khác (*)	1.375.838.804	357.352.884
Cộng	157.635.286.201	180.287.984.645

(*) Không có đối tượng nào có số dư chiếm trên 10% tổng số dư nợ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên thứ ba		
Trả trước ngắn hạn khác (*)	675.022.561	600.334.625
Cộng	675.022.561	600.334.625

(*) Không có đối tượng nào có số dư chiếm trên 10% tổng số dư nợ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khoản trả trước cho người bán nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Cho bên liên quan vay (Xem Thuyết minh VIII.2)	35.000.000.000	45.000.000.000
Cộng	35.000.000.000	45.000.000.000

Cho bên liên quan vay theo hợp đồng số 1/2023/HĐVT ngày 03/01/2023, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay là 6,7%/năm. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

6. Phải thu khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	38.614.956.781	39.055.613.980
Phải thu tiền cổ tức	4.690.018.000	3.790.000.000
Phải thu tiền lãi cho vay	2.700.191.781	3.015.000.000
Phải thu khác	31.224.747.000	32.250.613.980
Dài hạn	186.000.000	186.000.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	166.000.000	186.000.000
Cộng	38.780.956.781	39.241.613.980

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu khác là các bên liên quan (Xem Thuyết minh VIII.2)	37.510.191.781	37.825.000.000

7. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	59.072.858.575	-	56.782.130.229	-
Công cụ, dụng cụ	7.245.541.347	-	7.247.925.429	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	41.315.378.594	-	38.631.603.954	-
Thành phẩm	35.818.591.434	-	42.682.686.307	-
Hàng hóa	-	-	252.000.000	-
Hàng gửi đi bán	25.075.928.579	-	3.017.961.794	-
Cộng	168.528.298.529	-	148.614.307.713	-

8. Chi phí trả trước

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	578.778.194	841.908.458
Chi phí bảo hiểm	407.860.525	841.908.458
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	170.917.669	-
Dài hạn	75.365.758.524	101.767.208.789
Bao bì luân chuyển (*)	37.425.066.056	65.494.792.326
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	2.121.738.795	1.286.404.664
Chi phí sửa chữa, cải tạo	2.717.138.060	858.880.438
Tiền thuê đất (**)	33.101.815.613	34.127.131.361
Cộng	75.944.536.718	102.609.117.247

(*) Bao bì luân chuyển gồm Chai nâu lager và Két nhựa được phân bổ trong thời hạn 36 tháng.

(**) Tiền thuê đất tại Nhà máy bia Hoàng Quỳnh được phân bổ trong thời gian 49 năm (bắt đầu từ tháng 11 năm 2004), giá trị còn phân bổ là 12.772.437.426 đồng. Tiền thuê đất tại Đồng Tháp được phân bổ trong thời gian 40 năm (bắt đầu từ tháng 01 năm 2018), giá trị còn phân bổ là 20.329.378.187 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Đơn vị tính: VND						
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	388.963.904.917	1.632.706.633.256	31.010.421.666	3.359.527.256	2.266.799.696	2.058.307.286.791
Mua mới trong năm	-	477.000.000	-	-	-	477.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	4.092.887.800	-	-	4.092.887.800
Số dư cuối năm	388.963.904.917	1.633.183.633.256	26.917.533.866	3.359.527.256	2.266.799.696	2.054.691.398.991
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	157.234.387.696	1.174.105.932.620	22.344.093.610	3.326.715.761	2.266.799.696	1.359.277.929.383
Khấu hao trong năm	20.206.307.992	72.489.405.956	2.001.116.482	6.626.424	-	94.703.456.854
Thanh lý, nhượng bán	-	-	3.268.737.780	-	-	3.268.737.780
Số dư cuối năm	177.440.695.688	1.246.595.338.576	21.076.472.312	3.333.342.185	2.266.799.696	1.450.712.648.457
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	231.729.517.221	458.600.700.636	8.666.328.056	32.811.495	-	699.029.357.408
Tại ngày cuối năm	211.523.209.229	386.588.294.680	5.841.061.554	26.185.071	-	603.978.750.534

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là: 490.575.740.889 đồng (Tại ngày 31/12/2022 là 518.097.654.489 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 838.022.444.740 đồng (Tại ngày 31/12/2022 là 737.252.372.088 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy vi tính	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	84.390.024.990	1.368.625.000	85.758.649.990
Số dư cuối năm	84.390.024.990	1.368.625.000	85.758.649.990
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	16.178.793.475	936.368.752	17.115.162.227
Khấu hao trong năm	1.760.561.832	225.525.000	1.986.086.832
Số dư cuối năm	17.939.355.307	1.161.893.752	19.101.249.059
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	68.211.231.515	432.256.248	68.643.487.763
Tại ngày cuối năm	66.450.669.683	206.731.248	66.657.400.931

(*) Quyền sử dụng đất gồm :

- Quyền sử dụng đất 504,5m² tại số 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh có thời hạn sử dụng đến 11/2063.
- Quyền thuê đất tại nhà máy Bia Hoàng Quỳnh có thời hạn sử dụng đến năm 2047.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 241.000.000 đồng

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Bên liên quan (Xem Thuyết minh VIII.2)	33.745.904.060	30.877.250.337
Bên thứ ba	19.344.044.602	10.349.198.796
Công ty TNHH Dịch vụ & Phát triển Đầu tư HMG	7.186.757.968	-
Công ty TNHH MTV Khánh Vân Kon Tum	5.785.952.228	-
Công ty TNHH MTV TM - Sản Xuất Lê Lờ	2.102.562.000	2.058.966.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tín Thành	1.679.856.577	1.221.519.071
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	315.891.101	2.069.333.136
Phải trả người bán khác (*)	2.273.024.728	4.999.380.589
Cộng	53.089.948.662	41.226.449.133

(*) Không có đối tượng nào có số dư nợ chiếm trên 10% tổng số dư nợ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản phải trả người bán nào quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Bên thứ ba		
Công ty Metro J Trading (tương đương 200.550 USD)	4.837.302.300	6.951.960.000
Trade Beer Sole Co., Ltd (tương đương 577.535 USD)	13.879.062.110	3.027.340.040
Phonetheb Ja Lorn Xay Trading Sole Co., Ltd	-	459.849.140
Billion Nova SDN BHD (tương đương 756,9 USD)	17.666.046	17.068.095
Cộng	18.734.030.456	10.456.217.275

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu nhà nước

Thuế phải nộp	01/01/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	10.457.260.773	100.755.907.300	101.211.354.505	10.001.813.568
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	40.169.445	40.169.445	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	105.757.413.243	909.728.651.667	910.200.131.268	105.285.933.642
Thuế nhập khẩu	-	14.940.237	14.940.237	-
Thuế thu nhập cá nhân	500.000	3.315.425.394	3.202.753.685	113.171.709
Thuế tài nguyên	5.195.852.030	57.836.330	5.247.453.480	6.234.880
Các loại thuế khác	-	16.557.000	16.557.000	-
Cộng	121.411.026.046	1.013.929.487.373	1.019.933.359.620	115.407.153.799
Thuế phải thu	01/01/2023 VND	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023 VND
Thuế TNDN	837.084.166	-	-	837.084.166
Cộng	837.084.166	-	-	837.084.166

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Bên liên quan (Xem Thuyết minh VIII.2)	5.909.657.534	8.065.261.660
Bên thứ ba	1.395.705.386	1.816.782.068
Chi phí lãi vay phải trả	267.828.565	859.131.670
Chi phí phải trả khác	1.127.876.821	957.650.398
Cộng	7.305.362.920	9.882.043.728

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Bên liên quan (Xem Thuyết minh VIII.2)	-	3.790.031.287
Bên thứ ba	16.808.538.516	4.311.842.947
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.184.449.999	-
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	1.104.775.447	1.104.775.447
Cổ tức phải trả	2.442.737.000	3.207.067.500
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	76.576.070	-
Cộng	16.808.538.516	8.101.874.234

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản phải trả khác nào quá hạn chưa thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2023 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2023 VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	346.465.400.269	687.603.607.971	767.193.435.511	266.875.572.729
Bên liên quan				
Công ty CP Vận tải & Giao nhận Bia Sài Gòn (a)	95.000.000.000	-	75.000.000.000	20.000.000.000
Bên thứ ba				
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	96.511.141.392	168.686.070.406	265.197.211.798	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (b)	95.034.258.877	288.849.951.533	367.076.223.713	16.807.986.697
Ngân hàng Vietcombank - CN Kỳ Đồng (c)	-	200.203.085.186	-	200.203.085.186
Vay Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Kỳ Đồng đến hạn trả (d)	59.920.000.000	29.864.500.846	59.920.000.000	29.864.500.846
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	44.844.500.846	-	44.940.000.000	-
Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Kỳ Đồng (d)	44.844.500.846	-	44.940.000.000	-
Cộng	391.309.901.115	687.603.607.971	812.037.936.357	266.875.572.729

- (a) Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Vận Tải & Giao Nhận Bia Sài Gòn theo Hợp đồng vay tiền số 42/CPVT/2019 ngày 10/10/2019 và hợp đồng số 01/CPVT/2020 ngày 12/03/2020 và các phụ lục kèm theo. Lãi suất vay là 6,5%/ năm. Thời hạn cho vay tối đa của mỗi khoản nợ là không quá 6 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Đây là khoản vay tín chấp. Số dư nợ gốc vay đến ngày 31/12/2023 là 20.000.000.000đồng.
- (b) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín theo Hợp đồng cấp tín dụng khung số CHCM.HDDN.23.15 ngày 29/03/2023. Hạn mức tín dụng cho vay là 120 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng. Thời hạn cho vay tối đa của mỗi khoản nợ là không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hợp đồng này được bảo đảm bằng Quyền sử dụng đất và công trình trên đất: 23.120,8 m² tại A73/I và A73A/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh; lô đất số A82/I-A83/I-A84/I, đường số 8 KCN Vĩnh Lộc, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh và Dây chuyền máy móc thiết bị của công ty tại KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh trừ dây chuyền chiết chai (trị giá 96.962.000.000 đồng). Số dư nợ gốc vay đến ngày 31/12/2023 là 16.807.986.697 đồng.
- (c) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/CV-0020/KHDN/23 ngày 30/10/2023 với hạn mức tín dụng cho vay không vượt quá 250.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ, vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh và được đảm bảo bằng thế chấp toàn bộ máy móc, thiết bị tại nhà máy Bia Sài Gòn - Hoàng Quỳnh và thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án nhà máy bia Sài Gòn - Đồng Tháp và thế chấp Hàng tồn kho và/hoặc khoản phải thu với giá trị tối thiểu 100% dư nợ tín dụng ngắn hạn. Dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2023 là 200.203.085.186 đồng.
- (d) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng theo Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 0037/KHDN/17DH ngày 05/06/2017. Thời hạn vay 84 tháng. Thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Trong 12 tháng kể từ ngày Giải ngân vốn vay lần đầu, lãi suất cho vay có định là 7,5%/năm. Từ tháng thứ 13 trở đi, lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm tiền VND có năm hạn 12 tháng trả sau của Ngân hàng công bố trong từng thời kỳ năm công với biên độ có định 1,5%/năm. Số dư nợ gốc vay đến ngày 31/12/2023 là 29.864.500.846 đồng (trong đó Vay dài hạn đến hạn trả là 29.864.500.846 đồng). Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	875.245.360.000	436.708.750.464	495.910.465.337	326.068.449.426	2.133.933.025.227
Lỗ trong năm trước				(17.037.327.490)	(17.037.327.490)
Số dư cuối năm trước	875.245.360.000	436.708.750.464	495.910.465.337	309.031.121.936	2.116.895.697.737
Số dư đầu năm nay	875.245.360.000	436.708.750.464	495.910.465.337	309.031.121.936	2.116.895.697.737
Lỗ trong năm nay				(60.467.874.870)	(60.467.874.870)
Chia cổ tức trong năm nay				(43.762.268.000)	(43.762.268.000)
Số dư cuối năm nay	875.245.360.000	436.708.750.464	495.910.465.337	204.800.979.066	2.012.665.554.867

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	143.723.000.000	143.723.000.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	55.200.000.000	55.200.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	676.322.360.000	676.322.360.000
Cộng	875.245.360.000	875.245.360.000
	100,00	100,00

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	875.245.360.000	875.245.360.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	875.245.360.000	875.245.360.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(43.762.268.000)	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	87.524.536	87.524.536
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	87.524.536	87.524.536
- Cổ phiếu phổ thông	87.524.536	87.524.536
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	87.524.536	87.524.536
- Cổ phiếu phổ thông	87.524.536	87.524.536
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2023	01/01/2023
Ngoại tệ các loại (USD)	-	203.013,50
Nợ khó đòi đã xử lý	3.632.047.000	3.632.047.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	1.115.438.485.868	1.208.826.232.504
Doanh thu bán hàng hóa	7.234.118.680	2.727.958.282
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.688.351.101	1.631.359.760
Doanh thu khác	10.275.946.036	929.966.726
Cộng	1.134.636.901.685	1.214.115.517.272
Doanh thu với các bên liên quan (Xem Thuyết minh VIII.2)	963.128.203.269	1.087.152.908.179

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm	1.068.523.581.779	1.130.707.025.392
Giá vốn bán hàng hóa	5.875.199.911	1.804.791.888
Giá vốn khác	6.238.966.526	1.328.865.316
Cộng	1.080.637.748.216	1.133.840.682.596

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.065.914.763	3.100.800.245
Cổ tức, lợi nhuận được chia	42.950.036.500	5.616.721.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.077.502.464	888.064.489
Cộng	47.093.453.727	9.605.586.234

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	35.020.836.090	33.679.204.671
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	81.406.383.213	24.295.220.247
Lỗ chênh lệch tỷ giá	101.961.417	223.936.933
Chi phí tài chính khác	-	4.166.400
Cộng	116.529.180.720	58.202.528.251

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	16.166.242.934	12.565.039.489
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.988.704.830	2.637.298.110
Chi phí bán hàng khác	2.574.672.717	11.335.920.962
Cộng	22.729.620.481	26.538.258.561

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	91.475.592	70.895.549
Chi phí cho nhân viên	11.009.699.199	10.463.848.171
Chi phí khấu hao	6.764.796.140	7.011.405.087
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.051.023.430	1.895.021.469
Chi phí bằng tiền khác	2.590.802.077	2.227.215.925
Cộng	22.507.796.438	21.668.386.201

7. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	94.031.798	239.981.087
Thu nhập khác	188.191.462	350.002
Cộng	282.223.260	240.331.089

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế thu thuế và phạt vi phạm hành chính	76.095.480	13.525.437
Chi phí khác	12.207	735.381.039
Cộng	76.107.687	748.906.476

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(60.467.874.870)	(17.037.327.490)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm	(29.941.318.416)	(1.274.541.234)
- Các khoản điều chỉnh tăng	13.008.718.084	4.342.180.266
+ Chi phí không được trừ	1.444.939.128	4.342.180.266
+ Chi phí lãi vay giao dịch liên kết	11.563.778.956	
- Các khoản điều chỉnh giảm	42.950.036.500	5.616.721.500
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	42.950.036.500	5.616.721.500
Lợi nhuận tính thuế	(90.409.193.286)	(18.311.868.724)
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	-	-

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	898.846.030.962	976.783.777.271
Chi phí nhân công	57.850.899.343	58.288.482.625
Chi phí khấu hao tài sản cố định	96.689.543.686	97.236.880.076
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.775.817.021	69.357.724.945
Chi phí khác bằng tiền	7.997.964.238	20.630.671.626
Cộng	1.129.160.255.250	1.222.297.536.543

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vay theo kế ước thông thường	657.739.107.125	448.471.830.036

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trả tiền nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(782.173.435.511)	(517.354.130.609)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

		Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao Thành viên HĐQT			
Ông Văn Thanh Liêm	Chủ tịch HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Văn Thảo Nguyên	Phó Chủ tịch	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Phạm Tấn Lợi	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Đinh Quang Hải	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Đặng Thái	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát			
Ông Văn Bá Nam	Trưởng ban kiểm soát	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Bà Bùi Thị Thái Hà	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Lương, thưởng và khoản phúc lợi khác			
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Văn Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	1.080.000.000	1.040.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	877.500.000	845.000.000
Bà Văn Bảo Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	325.000.000	-
Những người quản lý khác		8.302.500.000	6.233.678.927

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Trong năm, ngoài các nghiệp vụ với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, công ty có phát sinh các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	Công ty con
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	Công ty con
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Phú Lý	Công ty con
Tổng Công ty CP Bia rượu nước giải khát Sài Gòn	Bên liên quan
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	Bên liên quan
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	Bên liên quan
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Bên liên quan

Bên liên quan	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	963.128.203.269	1.087.152.908.179
Tổng Công ty CP Bia rượu nước giải khát Sài Gòn	894.469.406.807	943.864.145.988
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	62.195.578.096	142.664.544.431
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	6.343.218.366	624.217.760
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	120.000.000	-
Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	744.977.184.488	876.997.296.927
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	657.627.568.952	720.773.862.489
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	75.637.431.948	60.224.760.088
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	11.712.183.588	4.553.293.600
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn - Bình Tây	-	91.445.380.750
Các giao dịch khác	55.801.338.979	23.333.956.256
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Phú Lý (Lợi nhuận chuyển về Công ty mẹ)	39.400.000.000	-
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận (Lãi cho vay)	2.700.191.781	3.015.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn (Cổ tức phải trả)	7.186.150.000	7.186.150.000
Công ty Cổ phần Vận Tải & Giao Nhận Bia Sài Gòn (Chi phí lãi vay)	5.909.657.534	7.510.082.192
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây (Tiền thuê đất và chi phí duy tu cơ sở hạ tầng)	5.736.452.754	5.622.724.064
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây (Hỗ trợ bán hàng)	2.055.036.910	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng	156.259.447.397	179.930.631.761
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ	129.742.778.576	138.695.853.890
Bia Sài Gòn Bình Tây		
Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	23.058.982.908	41.201.777.871
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	3.441.185.913	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	16.500.000	33.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	35.000.000.000	45.000.000.000
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	35.000.000.000	45.000.000.000
Phải thu khác	37.510.191.781	37.825.000.000
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	37.510.191.781	37.825.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	33.745.904.060	30.877.250.337
Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	18.336.420.033	12.771.234.907
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	8.998.950.971	11.684.499.262
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	4.820.000.285	5.464.596.133
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	1.590.532.771	787.450.216
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	-	169.469.819
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.909.657.534	8.065.261.660
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	5.909.657.534	7.510.082.192
(Chi phí lãi vay phải trả)		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	-	555.179.468
Phải trả ngắn hạn khác	-	3.790.031.287
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	-	3.121.089.249
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	-	668.942.038
Vay ngắn hạn	20.000.000.000	95.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	20.000.000.000	95.000.000.000

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất bia nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động chủ yếu trong khu vực địa lý Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Hoàng Lan Hương

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hiếu



Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Văn Thanh Liêm

1.N.H.H
H

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY**

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 – 32



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304116373 ngày 25 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (trước đây là số 4103004075). Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 08 năm 2018 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm, rượu bia, nước giải khát; sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất, chế biến tại trụ sở). Xây dựng công nghiệp, dân dụng, cầu đường, giao thông thủy lợi. Mua bán nông sản, thực phẩm, rượu bia, nước giải khát. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Kinh doanh nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở).

Trụ sở chính của Công ty: Số 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Văn Thanh Liêm	Chủ tịch
Ông Văn Thảo Nguyên	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên
Ông Ông Phạm Tấn Lợi	Thành viên
Ông Đinh Quang Hải	Thành viên
Ông Đặng Thái	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Văn Thảo Nguyên	Phó tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó tổng Giám đốc
Bà Văn Bảo Ngọc	Phó tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Văn Bá Nam	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên
Bà Bùi Thị Thái Hà	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Văn Thanh Liêm
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 28 tháng 3 năm 2024



Số: 38-2/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây, được lập ngày 28/03/2024, từ trang 5 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2837-2024-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4817-2023-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.008.964.596.302	1.140.549.627.132
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	252.271.213.535	285.035.534.723
1. Tiền	111		157.209.569.699	119.891.699.106
2. Các khoản tương đương tiền	112		95.061.643.836	165.143.835.617
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	110.064.003.941	88.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		110.064.003.941	88.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		317.555.128.469	338.350.892.181
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	352.461.803.813	334.611.236.245
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	11.486.265.780	7.281.459.922
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.826.809.983	2.508.031.506
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(48.219.751.107)	(6.049.835.492)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	327.381.648.658	426.836.361.194
1. Hàng tồn kho	141		327.381.648.658	426.836.361.194
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.692.601.699	2.326.839.034
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	677.389.264	1.288.343.799
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	1.015.212.435	1.038.495.235
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.682.288.417.585	1.896.585.549.471
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.170.440.000	9.190.440.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.11	9.000.000.000	9.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	170.440.000	190.440.000
II. Tài sản cố định	220		1.241.864.218.680	1.446.290.334.494
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.175.153.342.749	1.377.517.615.470
- Nguyên giá	222		3.890.633.472.178	3.881.178.285.432
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.715.480.129.429)	(2.503.660.669.962)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	66.710.875.931	68.772.719.024
- Nguyên giá	228		89.074.087.377	89.074.087.377
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(22.363.211.446)	(20.301.368.353)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		12.431.962.560	12.331.221.820
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	12.431.962.560	12.331.221.820
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	345.369.667.994	337.794.754.738
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		324.702.817.994	317.127.904.738
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.166.850.000	22.166.850.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		73.452.128.351	90.978.798.419
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	52.247.202.816	68.223.034.908
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		21.204.925.535	22.755.763.511
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.691.253.013.887	3.037.135.176.603

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		926.202.149.747	1.076.095.286.094
I. Nợ ngắn hạn	310		894.310.381.693	1.015.640.293.837
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	77.730.174.581	50.589.736.798
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	21.132.592.270	13.531.966.138
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	354.512.371.686	388.105.571.703
4. Phải trả người lao động	314		12.080.400.574	13.971.060.775
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	7.364.582.040	12.424.868.016
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	47.407.197.114	38.502.468.838
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	367.951.559.392	484.398.321.374
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.131.504.036	14.116.300.195
II. Nợ dài hạn	330		31.891.768.054	60.454.992.257
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	-	44.844.500.846
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342	V.18	31.891.768.054	15.610.491.411
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.765.050.864.140	1.961.039.890.509
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	1.765.050.864.140	1.961.039.890.509
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		875.245.360.000	875.245.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		875.245.360.000	875.245.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		436.708.750.464	436.708.750.464
3. Vốn khác của chủ sở hữu (phụ trội hợp nhất)	414		(51.168.810.051)	(51.168.810.051)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		498.645.305.720	498.645.305.720
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.620.258.007	201.609.284.376
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		157.847.016.376	205.077.650.207
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(152.226.758.369)	(3.468.365.831)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.691.253.013.887	3.037.135.176.603

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hoàng Lan Hương

Nguyễn Thị Hiền

Văn Thanh Liêm

Ngày 28 tháng 3 năm 2024



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.020.187.383.885	2.356.649.630.913
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	2.020.187.383.885	2.356.649.630.913
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.011.958.362.220	2.175.700.923.270
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.229.021.665	180.948.707.643
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	17.543.260.978	13.630.639.509
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	40.656.327.044	43.864.939.651
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		40.554.365.627	42.136.836.318
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		7.574.913.256	(27.895.280.206)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	35.681.877.966	64.768.536.239
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	90.424.237.114	48.462.676.065
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(133.415.246.225)	9.587.914.991
12. Thu nhập khác	31	VI.7	284.623.260	2.175.198.177
13. Chi phí khác	32	VI.8	78.147.937	755.156.476
14. Lợi nhuận khác	40		206.475.323	1.420.041.701
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(133.208.770.902)	11.007.956.692
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	2.736.710.824	9.917.278.474
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	16.281.276.643	4.559.044.049
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(152.226.758.369)	(3.468.365.831)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(152.226.758.369)	(3.468.365.831)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	71	VI.11	(1.739)	(40)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hoàng Lan Hương

Nguyễn Thị Hiếu

Văn Thanh Liêm

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(133.208.770.902)	11.007.956.692
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	217.150.040.340	233.435.945.560
- Các khoản dự phòng	03	42.169.915.615	3.513.206.592
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(368.476.116)	(104.511.846)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(23.752.983.800)	14.623.762.764
- Chi phí lãi vay	06	40.554.365.627	42.136.836.318
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	142.544.090.764	304.613.196.080
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(20.631.015.488)	21.783.579.149
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	101.005.550.512	(119.540.659.728)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	6.973.707.550	(73.209.972.258)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	16.586.786.627	(2.964.619.659)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(42.746.093.390)	(43.253.274.009)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.652.714.114)	(13.665.403.273)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.984.796.159)	(9.645.392.026)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	192.095.516.302	64.117.454.276
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định	21	(13.648.815.286)	(10.651.186.732)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	918.181.818	1.059.683.165
3. Tiền chi cho vay	23	(143.584.551.887)	(60.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	121.520.547.946	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	15.384.185.131	13.054.446.735
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19.410.452.278)	(56.537.056.832)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	814.736.338.341	698.717.788.016
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(976.027.601.169)	(755.453.393.293)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(44.526.598.500)	(41.555.230.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(205.817.861.328)	(98.290.835.777)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(33.132.797.304)	(90.710.438.333)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	285.035.534.723	375.641.461.210
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	368.476.116	104.511.846
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	252.271.213.535	285.035.534.723

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hoàng Lan Hương

Nguyễn Thị Hiếu

Văn Thanh Liêm

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn – Bình Tây được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304116373 ngày 25 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (trước đây là số 4103004075). Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 08 năm 2018 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 304 người (tại ngày 31/12/2022 là 311 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm, rượu bia, nước giải khát; sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất, chế biến tại trụ sở). Xây dựng công nghiệp, dân dụng, cầu đường, giao thông thủy lợi. Mua bán nông sản, thực phẩm, rượu bia, nước giải khát. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại. Kinh doanh nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con và công ty liên kết được hợp nhất sau:

Công ty con

Tên công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn – Bình Tây	Bán buôn đồ uống (rượu, bia, nước giải khát) và Dịch vụ nhà hàng; ...	200.000.000.000	100%	100%
Công ty TNHH Bia Sài Gòn – Ninh Thuận	Sản xuất các loại bia	193.000.000.000	100%	100%
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Phú Lý	Sản xuất các loại bia	164.383.000.000	100%	100%

Công ty liên kết

Tên công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Bao Bì Sài Gòn	Sản xuất bình, ca, can, lon bằng kim loại; In bao bì; ...	560.892.510.000	38,96%	38,96%
Công ty CP Bia Sài Gòn - Long Khánh	Sản xuất các loại bia	198.000.000.000	20,20%	20,20%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Công ty có các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Nhà Máy Bia Sài Gòn – Bình Dương	Khu CN Tân Đông Hiệp B, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Nhà Máy Bia Sài Gòn – Hoàng Quỳnh	Khu CN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh
Nhà Máy Bia Sài Gòn – Đồng Tháp	Khu CN Trần Quốc Toàn, Phường 11, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

- Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần chi phí và thu nhập của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi đơn vị này đã thực hiện những điều chỉnh các chính sách kế toán của mình cho phù hợp với các chính sách kế toán của Công ty, kể từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát đến ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát. Nếu phần lỗ của công ty vượt quá khoản đầu tư của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn) được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

6. Nguyên tắc kế toán phải thu về cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Hội đồng Quản trị thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- Nhà cửa vật kiến trúc	08 - 40 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	07 - 10 năm
- Dụng cụ quản lý	05 - 07 năm
- Tài sản khác	05 - 10 năm
- Phần mềm máy tính	07 năm
- Quyền sử dụng đất	41 - 49 năm

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh kỳ kế toán hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

19. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

21. Sử dụng các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Hội đồng quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định;
- Chi phí phải trả;
- Các khoản dự phòng.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Hội đồng quản trị đánh giá là hợp lý.

22. Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

soát bên bị mua, và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Lợi thế thương mại không được ghi nhận cho nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh các công ty cùng dưới sự kiểm soát chung, là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một đối tượng hoặc các đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là không nhất thời. Một công ty có thể chịu sự kiểm soát bởi một cá nhân hoặc nhóm cá nhân theo một thỏa thuận hợp đồng. Chênh lệch giữa giá phí đầu tư của bên mua và giá trị tài sản thuần của bên bán được trình bày riêng biệt như một khoản phụ trội trong nguồn vốn chủ sở hữu khi hợp nhất (phụ trội hợp nhất trên bảng cân đối kế toán hợp nhất).

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị ghi sổ;
- Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	1.717.272.182	1.745.972.840
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	155.492.297.517	118.145.726.266
Các khoản tương đương tiền (*)	95.061.643.836	165.143.835.617
Cộng	252.271.213.535	285.035.534.723

(*) Là các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng và hưởng lãi suất từ 2,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 5%/năm).

2. Đầu tư tài chính

a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	110.064.003.941	88.000.000.000
Cộng	110.064.003.941	88.000.000.000

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại có thời hạn đáo hạn ban đầu 6 tháng và hưởng lãi suất 4,7%/ năm đến 5,2%/năm (tại ngày 31/12/2022 là từ 3,7%/năm đến 7,1%/năm).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Đầu tư tài chính (tiếp theo)
b) Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2023				01/01/2023	
	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phiếu	Giá trị ghi sổ VND		Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phiếu
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	38,96%	21.850.000	283.429.328.168		38,96%	21.850.000
Công ty CP Bia Sài Gòn - Long Khánh	20,20%	4.000.000	41.273.489.826		20,20%	4.000.000
Cộng			324.702.817.994			317.127.904.738

- c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023				01/01/2023			
	Số cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CP Kinh doanh Lương thực thực phẩm Trường Sa	100.000	1.500.000.000	(*) (1.500.000.000)		100.000	1.500.000.000	(*) (1.500.000.000)	
Công ty CP Bia Sài Gòn - Hà Nội	900.018	9.000.180.000	17.550.351.000		900.018	9.000.180.000	26.100.522.000	
Công ty CP Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	1.166.667	11.666.670.000	29.750.008.500		1.166.667	11.666.670.000	32.900.009.400	
Cộng		22.166.850.000	(1.500.000.000)			22.166.850.000	(1.500.000.000)	

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do thiếu thông tin về giá tham chiếu trên thị trường nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư này chưa được trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Bên liên quan (Xem Thuyết minh VIII.2)	96.779.043.498	71.791.996.104
Bên thứ ba	255.682.760.315	262.819.240.141
Công ty Cổ phần Thương mại Sagota Cà Mau	23.389.695.764	24.365.621.264
Công ty Cổ phần Thương mại Sagota Bita Miền Bắc	-	18.166.763.289
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Saco Đại Thành	-	10.761.254.091
Phải thu khách hàng khác (*)	232.309.564.551	209.525.601.497
Cộng	352.461.803.813	334.611.236.245

(*) Không có khách hàng nào có số dư chiếm trên 10% tổng số dư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, ngoài các khoản nợ khó đòi đã được trình bày tại mục V.6, không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Bên liên quan (Xem Thuyết minh VIII.2)	1.768.804.620	4.351.431.332
Bên thứ ba	9.717.461.160	2.930.028.590
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	4.507.035.142	-
Công ty Cổ phần Bia và NGK Quốc Tế	1.340.400.000	-
Công ty TNHH TM và DV PCCC Thuận Trần	990.949.200	-
Công ty KHS Asia	230.663.690	1.778.140.586
Trả trước ngắn hạn khác (*)	2.648.413.128	1.151.888.004
Cộng	11.486.265.780	7.281.459.922

(*) Không có người bán ngắn hạn nào có số dư chiếm trên 10% tổng số dư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, ngoài các khoản nợ khó đòi đã được trình bày tại mục V.6, không có khoản trả trước cho người bán ngắn hạn nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

5. Phải thu khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu ngắn hạn khác	1.826.809.983	2.508.031.506
Phải thu về tiền cổ tức	900.018.000	-
Tạm ứng	356.000.000	670.551.636
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	247.945.205	448.109.590
Phải thu về BHXH	84.217.616	73.556.846
Phải thu khác	238.629.162	1.315.813.434
Phải thu dài hạn khác	170.440.000	190.440.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	170.440.000	190.440.000
Cộng	1.997.249.983	2.698.471.506

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, ngoài các khoản nợ khó đòi đã được trình bày tại mục V.6, không có khoản phải thu khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2023		01/01/2023	
	Nợ gốc VND	Dự phòng VND	Nợ gốc VND	Dự phòng VND
Công ty CP TM Sagota	5.088.183.405	(5.088.183.405)	5.088.183.405	-
Bitra Hải Dương				
Các đối tượng khác	43.131.567.702	(43.131.567.702)	43.131.567.702	(6.049.835.492)
Cộng	48.219.751.107	(48.219.751.107)	48.219.751.107	(6.049.835.492)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	130.818.313.955	-	165.331.011.774	-
Công cụ, dụng cụ	11.229.947.927	-	12.137.522.742	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	73.470.200.531	-	83.521.829.853	-
Thành phẩm	82.173.696.854	-	161.833.403.091	-
Hàng hóa	1.742.369.320	-	994.631.940	-
Hàng gửi đi bán	27.947.120.071	-	3.017.961.794	-
Cộng	327.381.648.658	-	426.836.361.194	-

8. Chi phí trả trước

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	677.389.264	1.288.343.799
Chi phí bảo hiểm	506.471.595	991.479.350
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	170.917.669	296.864.449
Chi phí trả trước dài hạn	52.247.202.816	68.223.034.908
Bao bì luân chuyển (*)	13.613.509.701	28.607.447.644
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	2.814.739.442	4.629.575.465
Chi phí sửa chữa, cải tạo	2.717.138.060	858.880.438
Tiền thuê đất (**)	33.101.815.613	34.127.131.361
Cộng	52.924.592.080	69.511.378.707

(*) Bao bì luân chuyển gồm Chai nâu lager và Két nhựa được phân bổ trong thời hạn 36 tháng.

(**) Tiền thuê đất tại Nhà máy bia Hoàng Quỳnh được phân bổ trong thời gian 49 năm (bắt đầu từ tháng 11 năm 2004), giá trị còn phân bổ là 12.772.437.426 đồng. Tiền thuê đất tại Đồng Tháp được phân bổ trong thời gian 40 năm (bắt đầu từ tháng 01 năm 2018), giá trị còn phân bổ là 20.329.378.187 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Tàng, giám tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Đơn vị tính: VND						
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	839.362.555.381	2.978.356.131.040	57.351.468.878	3.841.330.437	2.266.799.696	3.881.178.285.432
Số tăng trong năm	452.343.636	968.640.000	12.036.690.910	90.400.000	-	13.548.074.546
- Mua trong năm	452.343.636	968.640.000	12.036.690.910	90.400.000	-	13.548.074.546
Số giảm trong năm	-	-	4.092.887.800	-	-	4.092.887.800
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	4.092.887.800	-	-	4.092.887.800
Số dư cuối năm	839.814.899.017	2.979.324.771.040	65.295.271.988	3.931.730.437	2.266.799.696	3.890.633.472.178
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	391.463.596.511	2.067.252.560.674	38.991.763.584	3.685.949.497	2.266.799.696	2.503.660.669.962
Số tăng trong năm	51.622.998.020	159.158.600.841	4.320.891.436	33.601.778	-	215.136.092.075
- Khấu hao trong năm	51.574.969.854	159.158.734.174	4.320.891.441	33.601.778	-	215.088.197.247
- Phân loại lại	48.028.166	-	-	-	-	48.028.166
Số giảm trong năm	-	-	3.316.765.946	-	-	3.316.765.946
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	3.268.737.780	-	-	3.268.737.780
- Phân loại lại	-	-	48.028.166	-	-	48.028.166
Số dư cuối năm	443.086.594.531	2.226.411.294.848	39.995.889.079	3.719.551.275	2.266.799.696	2.715.480.129.429
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	447.898.958.870	911.103.570.366	18.359.705.294	155.380.940	-	1.377.517.615.470
Tại ngày cuối năm	396.728.304.486	752.913.476.192	25.299.382.909	212.179.162	-	1.175.153.342.749

	31/12/2023	01/01/2023
Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay	858.967.199.745	968.295.813.786
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.225.431.993.997	1.115.973.006.510

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	87.114.712.377	1.959.375.000	89.074.087.377
Số tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	87.114.712.377	1.959.375.000	89.074.087.377
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	18.903.480.862	1.397.887.491	20.301.368.353
Khấu hao trong năm	1.760.561.832	301.281.261	2.061.843.093
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	20.664.042.694	1.699.168.752	22.363.211.446
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	68.211.231.515	561.487.509	68.772.719.024
Tại ngày cuối năm	66.450.669.683	260.206.248	66.710.875.931
	31/12/2023 VND		01/01/2023 VND
Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	241.000.000		241.000.000

11. Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Một thành viên Lê Tuấn Vinh (*)	9.000.000.000	9.000.000.000
Cộng	9.000.000.000	9.000.000.000

(*) Là khoản cho Công ty TNHH MTV Lê Tuấn Vinh vay theo Hợp đồng cho vay tiền số 01/2021/HĐVT ngày 17/03/2021. Lãi suất cho vay là 8%/năm. Thời hạn vay từ ngày 17/03/2021 đến ngày 17/03/2026.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Dự án nhà máy Bia Sagota	9.870.933.820	9.870.933.820
Máy chiết lon	2.136.731.000	2.320.706.000
Các dự án khác	424.297.740	139.582.000
Cộng	12.431.962.560	12.331.221.820

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Bên liên quan (Xem Thuyết minh VIII.2)	48.969.641.095	33.268.752.845
Bên thứ ba	28.760.533.140	17.320.983.953
Công ty TNHH Dịch vụ và Phát triển Đầu tư HMG	7.186.757.968	-
Các đối tượng khác (*)	21.573.775.518	-
Cộng	77.730.174.581	50.589.736.798

(*) Không có đối tượng nào có số dư nợ chiếm trên 10% tổng số dư nợ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Bên thứ ba		
Công ty Metro J Trading (tương đương 292.080 USD)	4.837.302.300	6.951.960.000
Trade Beer Sole Co., Ltd (tương đương 130.678 USD)	13.879.062.110	3.027.340.040
Người mua trả tiền trước khác	2.416.227.860	3.552.666.098
Cộng	21.132.592.270	13.531.966.138

15. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu nhà nước

Phải nộp	01/01/2023 VND	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/cán trừ trong năm	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	72.822.329.123	193.617.815.480	167.949.536.896	98.490.607.707
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	238.036.517	238.036.517	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	307.645.332.651	1.616.374.123.395	1.669.937.547.559	254.081.908.487
Thuế xuất, nhập khẩu	-	51.316.639	51.316.639	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.063.278.474	2.736.710.824	3.652.714.114	1.147.275.184
Thuế thu nhập cá nhân	378.779.425	4.140.972.143	3.733.406.140	786.345.428
Thuế tài nguyên	5.195.852.030	57.836.330	5.247.453.480	6.234.880
Các loại thuế khác	-	4.243.781.728	4.243.781.728	-
Cộng	388.105.571.703	1.821.460.593.056	1.855.053.793.073	354.512.371.686
Phải thu	01/01/2023 VND	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.006.554.846	-	-	1.006.554.846
Thuế thu nhập cá nhân	31.940.389	323.880.857	300.598.057	8.657.589
Cộng	1.038.495.235	323.880.857	300.598.057	1.015.212.435

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan (Xem Thuyết minh VIII.2)	5.909.657.534	8.065.261.660
Bên thứ ba	1.454.924.506	4.359.606.356
Chi phí lãi vay phải trả	267.828.565	859.131.670
Chi phí phải trả khác	1.187.095.941	3.500.474.686
Cộng	7.364.582.040	12.424.868.016

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan (Xem Thuyết minh VIII.2)	-	3.121.089.249
Bên thứ ba	47.407.197.114	35.381.379.589
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	1.442.052.935	1.875.561.845
Cổ tức phải trả	1.542.719.000	3.207.067.500
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	42.909.782.816	30.023.599.817
Các khoản phải trả, phải nộp khác	612.624.363	275.150.427
Cộng	47.407.197.114	38.502.468.838

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào chưa thanh toán.

18. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	31.891.768.054	15.610.491.411
Cộng	31.891.768.054	15.610.491.411

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2023 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2023 VND
Vay ngắn hạn				
Bên liên quan				
Công ty CP Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn (a)	484.398.321.374	844.600.839.187	961.047.601.169	367.951.559.392
Bên thứ ba				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (b)	95.000.000.000	-	75.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	119.932.921.105	357.200.316.402	175.854.165.658	301.279.071.849
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (c)	96.511.141.392	168.686.070.406	265.197.211.798	-
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng đến hạn trả (d)	95.034.258.877	288.849.951.533	367.076.223.713	16.807.986.697
Vay dài hạn	77.920.000.000	29.864.500.846	77.920.000.000	29.864.500.846
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (d)	44.844.500.846	-	44.844.500.846	-
	44.844.500.846	-	44.844.500.846	-
Cộng	529.242.822.220	844.600.839.187	1.005.892.102.015	367.951.559.392

(a) Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn theo Hợp đồng vay tiền số 42/CPVT/2019 ngày 10/10/2019 và hợp đồng số 01/CPVT/2020 ngày 12/03/2020 và các phụ lục kèm theo. Lãi suất vay là 6,5%/năm. Thời hạn cho vay tối đa của mỗi khoản nợ là không quá 6 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Đây là khoản vay tín chấp. Số dư nợ gốc vay đến ngày 31/12/2023 là 20.000.000.000 đồng.

(b) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng theo các hợp đồng cho vay :

- Hợp đồng số 01/CV-0020/KHDN/23 ngày 30/10/2023 với hạn mức tín dụng cho vay không vượt quá 250.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ, vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh và được đảm bảo bằng thế chấp toàn bộ máy móc, thiết bị tại nhà máy Bia Sài Gòn - Hoàng Quỳnh và thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án nhà máy bia Sài Gòn - Đồng Tháp và thế chấp Hàng tồn kho và/hoặc khoản phải thu với giá trị tối thiểu 100% dư nợ tín dụng ngắn hạn. Dư nợ gốc vay khoản vay này tại ngày 31/12/2023 là 200.203.085.186 đồng.

- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 03/CV-0012/KHDN/19 ngày 27/12/2021 kèm theo Hợp đồng tín dụng số 0012/KHDN/19 ngày 23/08/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02/SĐBS-0012/KHDN/19 ngày 27/12/2021. Hạn mức cho vay là 120 tỷ đồng. Thời hạn vay tối đa 06 tháng cho từng khoản nợ vay. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Số dư nợ gốc khoản vay này tại 31/12/2023 là 101.075.986.663 đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản.

(c) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín theo Hợp đồng cấp tín dụng khung số CHCM.HDDN.23.15 ngày 29/03/2023. Hạn mức tín dụng cho vay là 120 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng. Thời hạn cho vay tối đa của mỗi khoản nợ là không quá 6 tháng. Lãi suất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho vay theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hợp đồng này được bảo đảm bằng Quyền sử dụng đất và công trình trên đất: 23.120,8 m² tại A73/I và A73A/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh; lô đất số A82/I-A83/I-A84/I, đường số 8 KCN Vĩnh Lộc, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh và Dây chuyền máy móc thiết bị của công ty tại KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh trừ dây chuyền chiết chai (trị giá 96.962.000.000 đồng). Số dư nợ gốc vay đến ngày 31/12/2023 là 16.807.986.697 đồng.

(d) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng theo Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 0037/KHDN/17DH ngày 05/06/2017. Thời hạn vay 84 tháng. Thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Trong 12 tháng kể từ ngày Giải ngân vốn vay lần đầu, lãi suất cho vay cố định là 7,5%/năm. Từ tháng thứ 13 trở đi, lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm tiền VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của Ngân hàng công bố trong từng thời gian cộng với biên độ cố định 1,5%/năm. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ gốc vay đến ngày 31/12/2023 là 29.864.500.846 đồng (trong đó Vay dài hạn đến trả là 29.864.500.846 đồng).

20. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND				
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Phụ trội hợp nhất	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	498.645.305.720	205.077.650.207
Lỗ trong năm trước					(3.468.365.831)
Số dư cuối năm trước	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	498.645.305.720	201.609.284.376
Số dư đầu năm nay	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	498.645.305.720	201.609.284.376
Lỗ trong năm nay					(152.226.758.369)
Chia cổ tức trong kỳ					(43.762.268.000)
Số dư cuối năm nay	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	498.645.305.720	5.620.364.678
					1.765.050.970.811

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2023	%	01/01/2023	%
	VND		VND	
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	143.723.000.000	16,42	143.723.000.000	16,42
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	55.200.000.000	6,31	55.200.000.000	6,31
Vốn góp của cổ đông khác	676.322.360.000	77,27	676.322.360.000	77,27
Cộng	875.245.360.000	100	875.245.360.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	875.245.360.000	875.245.360.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	875.245.360.000	875.245.360.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	43.762.268.000	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	87.524.536	87.524.536
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	87.524.536	87.524.536
- Cổ phiếu phổ thông	87.524.536	87.524.536
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	87.524.536	87.524.536
- Cổ phiếu phổ thông	87.524.536	87.524.536

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2023	01/01/2023
Ngoại tệ các loại (USD)	690.264,05	593.996,85
Nợ khó đòi đã xử lý	4.719.377.015	3.632.047.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	64.260.068.001	157.453.094.070
Doanh thu bán thành phẩm	1.929.526.139.065	2.176.938.673.495
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.072.658.051	18.070.664.232
Doanh thu khác	9.328.518.768	4.187.199.116
Cộng	2.020.187.383.885	2.356.649.630.913

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa	49.914.371.446	130.982.487.829
Giá vốn bán thành phẩm	1.946.313.178.750	2.028.149.676.615
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	13.948.163.782	16.242.573.471
Giá vốn khác	1.782.648.242	326.185.355
Cộng	2.011.958.362.220	2.175.700.923.270

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.534.002.246	7.021.341.674
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.550.036.500	5.616.721.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.459.222.232	992.576.335
Cộng	17.543.260.978	13.630.639.509

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	40.554.365.627	42.136.836.318
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	1.500.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	101.961.417	223.936.933
Chi phí tài chính khác	-	4.166.400
Cộng	40.656.327.044	43.864.939.651

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	16.166.242.934	26.002.087.770
Chi phí cho nhân viên	9.956.410.453	18.523.004.086
Chi phí khấu hao tài sản cố định	286.885.443	286.346.196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.847.645.782	3.672.135.965
Chi phí bằng tiền khác	4.424.693.354	16.284.962.222
Cộng	35.681.877.966	64.768.536.239

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	91.475.592	70.895.549
Chi phí cho nhân viên	27.563.438.786	27.448.757.392
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.903.872.502	8.636.344.255
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	43.033.961.746	2.013.206.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.193.511.480	5.986.293.184
Chi phí bằng tiền khác	5.637.977.008	4.307.179.093
Cộng	90.424.237.114	48.462.676.065

7. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	633.454.268
Thu từ xuất trả hàng	94.031.798	-
Thu nhập khác	190.591.462	1.541.743.909
Cộng	284.623.260	2.175.198.177

8. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Truy thu thuế và phạt vi phạm hành chính	76.095.480	19.775.437
Chi phí khác	2.052.457	735.381.039
Cộng	78.147.937	755.156.476

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.736.710.824	9.917.278.474
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.736.710.824	9.917.278.474

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Bảng tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư vào công ty con, công ty liên kết	(81.406.383.213)	(22.795.220.247)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(16.281.276.643)	(4.559.044.049)

10. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(152.226.758.369)	(3.468.365.831)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(152.226.758.369)	(3.468.365.831)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	87.524.536	87.524.536
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(1.739)	(40)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.539.856.253.777	1.802.419.761.805
Chi phí nhân công	103.049.796.317	113.738.247.401
Chi phí khấu hao tài sản cố định	217.150.040.340	233.435.945.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	103.041.419.982	110.444.311.088
Chi phí khác bằng tiền	56.009.379.914	30.562.230.787
Cộng	2.019.106.890.330	2.290.600.496.641

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vay theo khế ước thông thường	814.736.338.341	698.717.788.016

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trả tiền nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(986.027.601.169)	(755.453.393.293)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

		Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Thù lao Thành viên HĐQT			
Ông Văn Thanh Liêm	Chủ tịch HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Văn Thảo Nguyên	Phó Chủ tịch	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Phạm Tấn Lợi	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Đinh Quang Hải	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Đặng Thái	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát			
Ông Văn Bá Nam	Trưởng ban kiểm soát	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Bà Bùi Thị Thái Hà	Thành viên	30.000.000	30.000.000

Lương, thưởng và khoản phúc lợi khác

Ban Tổng Giám đốc			
Ông Văn Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	1.080.000.000	1.040.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	877.500.000	845.000.000
Bà Văn Bảo Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	325.000.000	-

Những người quản lý khác 8.302.500.000 6.233.678.927

Trong năm, ngoài các nghiệp vụ với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, công ty có phát sinh các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ		
Tổng Công ty CP Bia rượu nước giải khát Sài Gòn	Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Bên liên quan		
Bên liên quan		Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Tổng Công ty CP Bia rượu nước giải khát Sài Gòn		1.644.603.675.403	1.737.316.023.473
		1.644.603.675.403	1.737.316.023.473
Mua hàng hóa, nguyên vật liệu			
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn		1.271.310.509.003	1.393.640.622.622
		1.166.204.106.579	1.303.852.289.891
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn		105.106.402.424	89.788.332.731

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Bên liên quan	Năm nay VND	Năm trước VND
Các giao dịch khác	13.219.141.267	13.364.053.532
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn (Cổ tức phải trả)	7.186.150.000	7.186.150.000
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn (Trích trước chi phí)	-	555.179.468
Công ty Cổ phần Vận Tải & Giao Nhận Bia Sài Gòn (Chi phí lãi vay)	5.909.657.534	-
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây (Tiền thuê đất và chi phí duy tu cơ sở hạ tầng)	5.736.452.754	5.622.724.064

Cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng	96.779.043.498	71.791.996.104
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	96.762.543.498	71.758.996.104
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	16.500.000	33.000.000
Trả trước cho người bán	1.768.804.620	4.351.431.332
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	1.768.804.620	4.351.431.332
Phải trả người bán ngắn hạn	48.969.641.095	33.268.752.845
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	30.717.686.493	15.831.973.371
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	11.206.665.416	11.972.183.341
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	4.820.000.285	5.464.596.133
Công Ty CP Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	2.225.288.901	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.909.657.534	8.065.261.660
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn (Chi phí lãi vay phải trả)	5.909.657.534	7.510.082.192
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	-	555.179.468
Phải trả ngắn hạn khác	-	3.121.089.249
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	-	3.121.089.249
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn (Chi phí lãi vay)	-	-
Vay ngắn hạn	20.000.000.000	95.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	20.000.000.000	95.000.000.000

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất bia nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động chủ yếu trong khu vực địa lý Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

Một số chỉ tiêu tại ngày 01/01/2023 trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất được Hội đồng Quản trị trình bày lại nhằm phản ánh tình hình tài chính của công ty, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

Bảng cân đối kế toán hợp nhất	Số liệu tại ngày 01/01/2023		
	Số trước	Số sau	Chênh lệch
	trình bày lại (1)	trình bày lại (2)	
Các chỉ tiêu			(2)-(1)
V. Tài sản dài hạn khác	114.429.094.820	90.978.798.419	(23.450.296.401)
1. Chi phí trả trước dài hạn	91.673.331.309	68.223.034.908	(23.450.296.401)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	3.060.585.473.004	3.037.135.176.603	(23.450.296.401)
I. Vốn chủ sở hữu	1.984.490.186.910	1.961.039.890.509	(23.450.296.401)
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	225.059.580.777	201.609.284.376	(23.450.296.401)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	228.527.946.608	205.077.650.207	(23.450.296.401)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	3.060.585.473.004	3.037.135.176.603	(23.450.296.401)

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Hoàng Lan Hương

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hiếu

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Văn Thanh Liêm



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 06 năm 2024

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY

KÍNH GỬI: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Nhìn chung năm 2023 là một năm hết sức khó khăn và thách thức cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Cùng với sự giảm sút tăng trưởng GDP, thương mại và đầu tư toàn cầu, mức lạm phát cao, tỷ giá ngoại tệ và lãi suất biến động dẫn đến tăng giá cả của hàng hóa cơ bản, trong đó có cả nguyên liệu đầu vào của ngành sản xuất như malt, vỏ lon nhôm, nhãn, ... Bên cạnh đó việc triển khai mạnh mẽ và diện rộng trong xã hội của Nghị định số 100 của Chính phủ về việc quy định các chế tài xử phạt hành chính đối với người sử dụng rượu bia khi tham gia giao thông và Nghị định 24 về quảng cáo rượu, bia tiếp tục có ảnh hưởng dài hạn đến sản lượng tiêu thụ rượu, bia trong nước. Vì vậy công ty vừa phải phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra năm 2023, vừa phải đảm bảo sức khỏe, việc làm, thu nhập, đời sống cho cán bộ công nhân viên lao động.

Với thành phần Hội đồng quản trị gồm 7 người, trong năm 2023 Hội đồng quản trị đã tiến hành các kỳ họp trực tiếp, họp online cũng như gián tiếp qua việc lấy ý kiến bằng văn bản. Thường trực Hội đồng quản trị cũng có các buổi làm việc với Ban điều hành tại văn phòng Công ty, tại nhà máy và họp online, ban hành 08 Nghị quyết và 03 Quyết định liên quan đến các hoạt động của công ty. Công việc của Hội đồng quản trị tập trung vào các nội dung sau:

- Chỉ đạo việc xây dựng và điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thị trường và bám sát kế hoạch giao hàng của Bia Sài Gòn; Duy trì lượng tồn kho nguyên vật liệu vừa đủ để phục vụ sản xuất;

- Chỉ đạo Hệ thống quản lý bán hàng của Công ty Thương mại Bia Sài Gòn Bình Tây cho thương hiệu bia Sagota; Tiếp tục thực hiện chương trình khuyến mãi nhằm nâng cao độ nhận biết thương hiệu và tăng sản lượng tiêu thụ trong nước đối với sản phẩm bia Sagota; Thúc đẩy việc gia tăng xuất khẩu và gia công cho xuất khẩu.

- Chỉ đạo và giám sát tổ công tác thu hồi công nợ để giảm công nợ khách hàng, cân đối cán cân tài chính.

- Giám sát công tác lãnh đạo của Ban tổng giám đốc công ty thông qua việc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý. Kịp thời chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; đưa ra các biện pháp khắc phục nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch lợi nhuận và phân phối cổ tức cho cổ đông.

- Tiếp tục cung cấp tài liệu theo yêu cầu cho Tổng công ty Bía – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco) để thực hiện chủ trương bán cổ phần 65% vốn điều lệ cho Tổng công ty Sabeco như nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua. Các nội dung công việc đang được tiến hành theo các trình tự và qui định của pháp luật.

Về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023:

Trong năm 2023, doanh thu của Sabibeco đạt 2.020,2 tỷ đồng, thấp hơn khoảng 14,28% so với năm 2022. Trong đó, doanh thu bán thành phẩm (chủ yếu là bia các loại) chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu thuần chiếm 95,51%.

Tổng sản lượng năm 2023 là 175,6 triệu lít, chỉ đạt 65,20% so với kế hoạch đề ra và 82,64% so với sản lượng năm 2022. Nguyên nhân sụt giảm đến từ (1) Sản lượng Sabeco nhận hàng chỉ đạt 66,8% so với kế hoạch (143,5 triệu lít so với kế hoạch 214,8 triệu lít), tương đương 84,2% so với sản lượng giao hàng cho Sabeco năm 2022; (2) Hệ thống thương mại cho nhận hàng Sagota giảm do ảnh hưởng từ Nghị định 100 và sự cạnh tranh gay gắt từ các loại bia có giá rẻ đang tràn ngập trên thị trường bia trong nước.

Tổng mức nộp ngân sách năm 2023 là 1.855 tỷ đồng, giảm 13,1% so với cùng kỳ năm 2022 (2.135,77 tỷ đồng). *(Số liệu BCTC hợp nhất năm 2023)*

Công tác xuất khẩu năm 2023 tiếp tục phát triển nhanh với sản lượng giao hàng 11,5 triệu lít, đạt 139,3% so với cùng kỳ năm 2022, thu về doanh thu hơn 7 triệu USD, là nguồn thu ngoại tệ đáng kể cho công ty.

Tập đoàn tiếp tục thực hiện các biện pháp tiết kiệm nhằm giảm chi phí. Tuy nhiên giá thành nguyên vật liệu tăng trong khi giá bán hàng không thể tăng là nguyên nhân chính làm giảm lợi nhuận, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động sản xuất và kinh doanh năm 2023.

Về Chi phí HĐQT, BKS năm 2023:

Tổng chi phí thù lao và thưởng HĐQT, BKS năm 2023 là 642 triệu đồng, tương đương chi phí thù lao năm 2022.

Đánh giá công tác năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ, chức năng và quyền hạn của mình, cố gắng hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao phó. Với nhiều khó khăn do tình hình kinh tế trong nước nói chung và các ảnh hưởng đặc thù của ngành bia nói riêng dẫn đến chưa hoàn thành các kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông năm 2023 đã thông qua. Hội đồng quản trị cũng đã rất nỗ lực trong việc duy trì việc chi trả lương và cố gắng để Tập đoàn không lỗ và có lợi nhuận, dù vậy lợi nhuận năm 2023 vẫn lỗ bởi hoạt động kinh doanh sụt giảm.

Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và Phương hướng hoạt động năm 2024 do Ban tổng giám đốc trình bày.

Mục tiêu GDP Việt Nam năm 2024 vẫn được đặt ở mức cao 6,5% nhưng các trụ cột chính là sản xuất, xuất khẩu/FDI và tiêu dùng nội địa đều có dấu hiệu suy yếu. Nhu cầu tiêu thụ bia có thể giảm do áp lực giảm chi tiêu của người tiêu dùng có thu nhập thấp. Cùng với sự cạnh tranh quyết liệt về chất lượng sản phẩm, giá cả, chính sách bán hàng nhằm chiếm lĩnh thị phần của các hãng bia, đặc biệt một số nhà máy bia địa phương sẵn sàng hạ giá bán xuống mức rất thấp để chiếm thị phần cũng là nguyên nhân làm tăng chi phí bán hàng và giảm lợi nhuận mà Tập đoàn cần đối phó trong năm 2024.

Chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024:

- Duy trì họp định kỳ ít nhất 1 lần/quý.
- Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch, chuẩn bị cơ sở vật chất và giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất và giao hàng các chủng loại bia Sài Gòn với tổng sản lượng là 169,5 triệu lít bia. Đảm bảo 100% các lô hàng đạt chất lượng.
- Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với yêu cầu tiêu thụ các loại bia Sài Gòn và bia Sagota.
- Chỉ đạo Công ty Thương mại Bia Sài Gòn Bình Tây rà soát hệ thống phân phối Bia Sagota và thu hồi công nợ từ khách hàng; Tăng cường công tác xuất khẩu cho Bia Sagota và các sản phẩm khác của Tập đoàn.
- Khuyến khích các nhà máy tiếp tục nghiên cứu cải tiến thiết bị, qui trình, công thức và sử dụng nguyên liệu mới nhằm giảm chi phí sản xuất, tăng hiệu suất thu hồi nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- Tăng cường kết nối với các đối tác để gia công sản xuất, tận dụng công suất sản xuất của nhà máy, đảm bảo thu nhập cho người lao động.
- Về thù lao HĐQT và BKS: đề xuất mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024 là 642 triệu đồng, tương đương mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông Phê duyệt các chỉ tiêu hoạt động sản xuất – kinh doanh năm 2024 mà Tổng giám đốc trình bày.



Văn Thanh Liêm

Tp.HCM, ngày 13 tháng 06 năm 2024

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024

PHẦN 1: HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

- Năm 2023 là một năm khó khăn chung cho nền kinh tế thế giới, với sự giảm sút tăng trưởng GDP, thương mại và đầu tư toàn cầu, trong khi nợ xấu tăng và lạm phát vẫn duy trì ở mức cao, gắn với những diễn biến căng thẳng của các xung đột địa chính trị và phân mảnh công nghệ, thời tiết cực đoan và dịch bệnh diện rộng. Trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều khó khăn, thách thức, phức tạp và bất thường, Việt Nam vẫn là điểm sáng trong bức tranh kinh tế chung và không ngừng nâng tầm vị thế quốc tế. Theo Tổng cục thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2023 tăng 5,05%, tuy cao hơn tốc độ tăng của năm 2020 và 2022 – thời điểm chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, dù vẫn thấp hơn mục tiêu 6.5%, cho thấy nền kinh tế Việt Nam năm 2023 hồi phục khá mạnh mẽ.
- Nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất bia chủ yếu được nhập từ nước ngoài. Cùng với những ảnh hưởng từ tình hình địa chính trị căng thẳng ở Châu Âu, Nga và Ukraine dẫn đến tình trạng thiếu hụt nguồn cung lương thực toàn cầu. Đồng thời giá năng lượng tăng vọt do các lệnh trừng phạt đối với Nga gây ra lạm phát cao trên toàn cầu, từ đó tăng giá cả của hàng hóa cơ bản, trong đó có cả nguyên liệu đầu vào của ngành sản xuất như malt, vỏ lon nhôm, nhãn,....
- Việc triển khai mạnh mẽ và diện rộng trong xã hội của Nghị định số 100 của Chính phủ về việc quy định các chế tài xử phạt hành chính đối với người sử dụng rượu bia khi tham gia giao thông và Nghị định 24 về quảng cáo rượu, bia tiếp tục có ảnh hưởng dài hạn đến sản lượng tiêu thụ rượu, bia trong nước.
- Trong bối cảnh thị trường vẫn còn khó khăn, sự cạnh tranh khốc liệt từ các nhà sản xuất nhằm giành giật thị trường là điều khó tránh khỏi. Sự cạnh tranh về sản phẩm và thị trường không chỉ giữa các doanh nghiệp nội địa mà sự gia nhập của các thương hiệu bia quốc tế càng làm gia tăng thách thức cho Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây. Trong năm 2023, các đối thủ cạnh tranh đều tập trung đẩy mạnh công tác hỗ trợ, khuyến mại, thúc đẩy bán hàng để giành thị trường sau thời gian dài bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Từ đầu năm 2022 đến nay, các ông lớn ngành bia tại Việt Nam như Heineken, Sabeco, Habeco, Carlsberg đã triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông thương hiệu, xúc tiến bán hàng rộng khắp trên toàn quốc và tại tất cả các phân khúc sản phẩm, đặc biệt là các kênh bán hàng off. Điều này dẫn đến nhóm sản phẩm riêng của Tập đoàn như nhãn Sagota, nhãn Nager, ... phát triển khó khăn khi chịu sức ép thị trường đến từ những thương hiệu lớn của Việt Nam và nước ngoài.
- Bên cạnh đó sự phát triển mạnh mẽ của các chủng loại đa dạng của bia có giá rẻ thật sự là một thách thức lớn cho các chính sách kinh doanh bán hàng của Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH:

1. Các chỉ tiêu chính:

♦ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của CTCP Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2022	KẾ HOẠCH NĂM 2023	THỰC HIỆN NĂM 2023	TH/ KH 2023	TH 2023/2022
1	Sản lượng	Triệu lít	212,5	269,5	175,6	65,15%	80,1%
2	Doanh thu thuần	Triệu VND	2.356.649,6	2.923.144,2	2.020.187,3	69,11%	85,72%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu VND	11.007,9	40.599,1	-53.490,2	-131,75%	-1.210,11%
4	Thuế TNDN	Triệu VND	14.476,3	3.428,0	19.018,0	554,79%	131,37%
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu VND	-3.468,3	37.171,1	-152.226,7	-509,53	-4.389,01%
6	Tổng số lao động	Người	723		660		91,29%
7	Thu nhập bình quân (người/tháng)	Triệu VND	10,5		10,3		98,6%
8	Chia cổ tức	%	5%	5%	5%	100%	100%

♦ Báo cáo tài chính riêng năm 2023 của CTCP Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2022	THỰC HIỆN NĂM 2023	TH 2023/2022
1	Doanh thu thuần	Triệu VND	1.214.115,5	1.134.636,9	93,45%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu VND	-17.037,3	-60.467,9	-354,91%
3	Thuế TNDN	Triệu VND	0,0	0,0	-
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu VND	-17.037,3	-60.467,9	-354,91%

2. Đánh giá, phân tích kết quả kinh doanh:

- Trong năm 2023, doanh thu của Sabibeco đạt 2.020,2 tỷ đồng, thấp hơn khoảng 14,28% so với năm 2022. Trong đó, doanh thu bán thành phẩm (chủ yếu là bia các loại) chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu thuần chiếm 95,51%. Tổng mức nộp ngân sách năm 2023 là 1.855 tỷ đồng, giảm 13,1% so với cùng kỳ năm 2022 (2.135,77 tỷ đồng).
- Tổng sản lượng năm 2023 là 175,6 triệu lít, chỉ đạt 65,20% so với kế hoạch đề ra và 82,64% so với sản lượng năm 2022. Nguyên nhân sụt giảm đến từ (1) Sản lượng Sabeco nhận hàng chỉ đạt 66,8% so với kế hoạch (143,5 triệu lít so với kế hoạch 214,8 triệu lít), tương đương 84,2% so với sản lượng giao hàng cho Sabeco năm 2022; (2) Hệ thống thương mại cho nhãn hàng Sagota giảm do ảnh hưởng từ Nghị định 100 và sự cạnh tranh gay gắt từ các loại bia có giá rẻ đang tràn ngập trên thị trường bia trong nước.
- Công tác xuất khẩu năm 2023 tiếp tục phát triển nhanh với sản lượng giao hàng 11,5 triệu lít, đạt 139,3% so với cùng kỳ năm 2022, mang về doanh thu hơn 7 triệu USD, là nguồn thu ngoại tệ đáng kể cho công ty.
- Tuy Tập đoàn tiếp tục thực hiện các biện pháp tiết kiệm nhằm giảm chi phí nhưng giá thành nguyên vật liệu tăng trong khi giá bán ra thị trường không thể tăng là nguyên nhân chính làm giảm lợi nhuận, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động sản xuất và kinh doanh năm 2023.
- Nhân sự toàn Tập đoàn đến ngày 31/12/2023 là 660 người, trong đó khối sản xuất 73,8%, khối thương mại dịch vụ 26,2%. Đây là năm thứ 5 liên tiếp Tập đoàn giảm số lượng nhân sự, nguyên nhân từ sự điều chỉnh cơ cấu nhân sự nhằm tiết giảm chi phí và biến động nhân sự tại khối

thương mại dịch vụ. Công ty vẫn cố gắng đảm bảo thu nhập bình quân của người lao động mức 10,3 triệu đồng/người, tuy có hơi giảm nhẹ so với thu nhập bình quân năm 2022.

3. Đánh giá tình hình sản xuất:

- Về chất lượng sản phẩm:

Công tác kiểm soát chất lượng được thực hiện nghiêm theo qui định của Ban Kỹ thuật Tổng công ty, của Tập đoàn và tuân thủ đầy đủ các qui định của nhà nước. Chất lượng cảm quan bia chai và bia lon đều đạt loại tốt và tương đối ổn định giữa các tháng. Toàn bộ sản phẩm sản xuất của các nhà máy đều đạt tiêu chuẩn kỹ thuật.

Toàn bộ các nguyên vật liệu trước khi nhập kho đều được kiểm tra chặt chẽ chất lượng đầu vào và chỉ được phép sử dụng khi có kết luận đạt. Tất cả các công đoạn sản xuất đều xây dựng các điểm kiểm soát, tần suất kiểm soát đảm bảo kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm.

- Về công tác điều hành sản xuất:

Công tác thống kê tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, hiệu suất thu hồi, hiệu suất sử dụng thiết bị được thực hiện liên tục hàng tuần. Tập trung nâng cao hiệu suất thu hồi/tiết kiệm chi phí sản xuất.

Hiệu suất thu hồi chung của các nhà máy trực thuộc Tập đoàn ở mức 95% – 98%, tăng so với hiệu suất thu hồi chung của năm 2022. Tiêu hao trung bình cả năm hầu hết các nguyên liệu và vật tư vẫn giữ ở mức thấp hơn hoặc bằng định mức.

Do sản lượng sản xuất thấp, không ổn định do đó không tối ưu hóa được kế hoạch sản xuất dẫn tới các hao phí tăng, sản xuất bị ngừng trệ, không liên tục. Hiệu suất sử dụng thiết bị thấp do không sử dụng hết công suất thực của các nhà máy. Kế hoạch Bia Sái Gòn chủ yếu là chiết lon nên hiệu suất sử dụng dây chuyền chiết chai rất thấp hoặc bằng 0 do chỉ sản xuất Bia Sagota. Dẫn đến 2 nhà máy ngưng dây chuyền chiết chai, thiết bị máy móc hoạt động không ổn định do không được sử dụng.

- Về công tác ISO:

Tất cả các nhà máy trong hệ thống Sabibeco Group đều đã cập nhật ISO theo các phiên bản mới nhất, nhằm duy trì tốt công tác quản lý, giữ ổn định chất lượng sản phẩm và nâng cao hiệu quả quản trị công ty, như ISO Quản trị chất lượng 9001:2015, ISO An toàn vệ sinh thực phẩm 22000:2018, ISO Quản trị môi trường 14001:2015 và Năng lực phòng kiểm nghiệm ISO/IEC 17025:2017, ISO Quản lý năng lượng 50001:2011, Chứng chỉ An toàn thực phẩm FSSC 22000.

- Về An toàn vệ sinh thực phẩm, An toàn vệ sinh lao động, Phòng cháy chữa cháy và Bảo vệ Môi trường:

An toàn vệ sinh thực phẩm và an toàn vệ sinh lao động luôn được Ban điều hành công ty quan tâm thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng qui định của pháp luật. Công tác bảo vệ môi trường được duy trì thường xuyên, sử dụng công nghệ xử lý nước sinh học, vi sinh để làm giảm lượng hoá chất sử dụng và nâng cao chất lượng nước thải đầu ra, chất lượng nước thải sau xử lý luôn đạt tiêu chuẩn. Các nhà máy trực thuộc Tập đoàn đều đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động để kết nối với các cơ quan quản lý về môi trường và cung cấp dữ liệu tự động lên hệ thống. Toàn bộ khí thải phát sinh tại Công ty bao gồm khí thải hệ thống lò hơi, khí thải từ công đoạn nhập liệu và xay nghiền đều được xử lý, đảm bảo khí thải sau xử lý luôn đạt tiêu chuẩn xả thải.

4. Công tác tổ chức, nhân sự:

Nhân sự toàn Tập đoàn đến ngày 31/12/2023 là 660 người, trong đó khối sản xuất 73,8%, khối thương mại dịch vụ 26,2%. Đây là năm thứ 5 liên tiếp Tập đoàn giảm số lượng nhân sự, nguyên nhân từ sự điều chỉnh cơ cấu nhân sự nhằm tiết giảm chi phí và biến động nhân sự tại khối thương mại dịch vụ.

Công tác đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, tay nghề cho CB-CNV được duy trì thường xuyên. Các nhà máy đã tổ chức các khóa học, tập huấn theo quy định của các cơ quan quản lý Nhà nước về an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn vệ sinh lao động, tập huấn phòng cháy chữa cháy, an toàn bức xạ, tập huấn sơ cấp cứu. Cử nhân sự tham gia lớp đào tạo chuyên môn như “Người quản lý an toàn bức xạ”, “Vận hành thiết bị áp lực”.

Chế độ BHXH: đã làm thủ tục chi trả chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ hưởng bảo hiểm và trợ cấp nghỉ việc tính riêng tại Sabibeco là 569 lượt với tổng số tiền hơn 430 triệu đồng. 100% cán bộ công nhân viên được thực hiện cấp sổ BHXH và cấp thẻ BHYT đầy đủ theo qui định nhà nước.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2023:

1. Đầu tư, góp vốn:

✦ Công ty con

STT	Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	200 tỷ VNĐ	100%
2	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Ninh Thuận	193 tỷ VNĐ	100%
3	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Phú Lý	164,383 tỷ VNĐ	100%

✦ Công ty liên doanh, liên kết:

STT	Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần	Ứng cổ tức
1	Công ty CP Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	38,96%	21.850.000	-
2	Công ty CP Bia Sài Gòn – Long Khánh	20,20%	4.000.000	-

✦ Đầu tư góp vốn:

STT	Công ty	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Ứng cổ tức
1	Công ty CP Bia Sài Gòn – Hà Nội	900.018	9.000.180.000	20%
2	Công ty CP Kinh doanh lương thực thực phẩm Trường Sa	100.000	1.500.000.000	-
3	Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi	1.166.667	11.666.670.000	15%

2. Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo:

Năm 2023, Tập đoàn chỉ thực hiện đầu tư các hạng mục cải tạo, sửa chữa nhỏ để đáp ứng sản xuất.

PHẦN 2:

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Thị trường ngành bia Việt Nam năm 2024 được nhận định tiếp tục khó khăn với Nghị định 100 vẫn là rào cản lớn kìm hãm sự phục hồi của ngành bia. Chưa kể đến các yếu tố khác như chi phí sản xuất kinh doanh (bao bì, nguyên vật liệu, chi phí vận chuyển, tỷ giá ngoại tệ, ...) ở mức cao, biến động bất thường và dự kiến sẽ tiếp tục tăng mạnh, ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Việc người dân thắt chặt chi tiêu cũng là áp lực mà công ty cần tính toán kỹ cho giá bán và các kế hoạch phát triển kinh doanh.

I. CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Sản lượng	Triệu lít	209.7
Doanh thu	Triệu VND	2.401.075.2
Lợi nhuận trước thuế	Triệu VND	-22.862.8
Thuế TNDN	Triệu VND	4.281.5
Lợi nhuận sau thuế	Triệu VND	-27.144.3

II. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng sản lượng sản xuất/giao hàng:

Mục tiêu chính trong giai đoạn hiện nay là tăng sản lượng sản xuất, sử dụng càng nhiều công suất thiết kế của nhà máy càng tốt, từ đó giảm chi phí sản xuất và khấu hao, bù đắp một phần cho việc tăng giá nguyên liệu đầu vào, đồng thời gia tăng lợi nhuận và giảm lỗ. Các biện pháp thực hiện như:

- Hoàn thành việc sản xuất và thúc đẩy giao hàng theo đúng kế hoạch của Sabeco đối với hoạt động gia công sản xuất Bia Sài Gòn.

- Đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, nâng cao sản lượng tiêu thụ sản phẩm bia địa phương, nghiên cứu thị trường và phát triển các sản phẩm bia địa phương phù hợp. Phối hợp chặt chẽ với hệ thống bán hàng của Công ty Thương mại Bia Sài Gòn Bình Tây trong các công tác hỗ trợ bán hàng và giao nhận hàng.

- Giao quyền cho các nhà máy trực thuộc chủ động tìm kiếm khách hàng, đồng thời mong muốn mỗi cổ đông và người thân của mình là những khách hàng thân thiết tiêu thụ và giới thiệu sản phẩm của Tập đoàn để bảo vệ lợi ích của chính mình.

- Tiếp tục gia tăng sản lượng xuất khẩu và thực hiện gia công các sản phẩm nội địa và xuất khẩu.

2. Kiểm soát hoạt động sản xuất, giảm chi phí sản xuất:

- Tiếp tục bám sát kế hoạch giao hàng của Tổng công ty Sabeco để xây dựng kế hoạch sản xuất phù hợp, nhằm tiết kiệm năng lượng, tránh khởi động dây chuyền nhiều lần. Duy trì khối lượng CO2 thu hồi và hạn chế mua bổ sung, đảm bảo lượng men thu hồi tái sử dụng phù hợp.

- Kiểm soát chặt chẽ tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng, hiệu suất thu hồi dưới định mức như những năm trước. Giữ mức hiệu suất thu hồi chung toàn công ty đạt $\geq 94.5\%$.

- Kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất/vệ sinh theo đúng tần suất qui định. Thực hiện nghiêm các qui trình/ hướng dẫn đã ban hành. Đảm bảo 100% sản phẩm đạt yêu cầu kỹ thuật và vệ sinh an toàn thực phẩm trước khi xuất kho.

- Quản lý tồn kho nguyên vật liệu, phụ tùng, bán thành phẩm trên dây chuyền và thành phẩm hợp lý để đảm bảo luôn có bia sẵn sàng cho công tác tiêu thụ và giảm tối đa chi phí vốn hàng và NVL tồn kho. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên vật liệu nhập kho và nguyên vật liệu đưa vào sử dụng, tránh thất thoát. Đảm bảo vật tư dự phòng.

- Đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn đối với các vị trí vận hành, bảo trì thiết bị. Tiếp tục tăng cường công tác quản lý thiết bị, phân công trách nhiệm cụ thể đến từng cá nhân trong việc quản lý thiết bị. Thực hiện tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị, nhà xưởng, đảm bảo máy móc hoạt động thông suốt và ổn định. Chuẩn hóa lại công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, hướng tới việc nâng cao tính phòng ngừa là chính.

3. Nghiên cứu cải tiến quy trình, công nghệ:

- Nghiên cứu thay đổi thành phần nguyên liệu nhằm giảm giá thành sản phẩm, đưa các sản phẩm mới giá rẻ ra thị trường để tăng sản lượng tiêu thụ, tận dụng công suất nhà máy.

- Thực hiện các biện pháp cải tiến trong sản xuất nhằm giảm tiêu hao nước, điện năng.

4. Duy trì tính hiệu lực của các hệ thống quản lý ISO 9001, ISO 22000, ISO 14001, ISO/IEC 17025 và ISO 50001:

5. Giảm công nợ và hàng tồn kho: Tích cực thu hồi và cân bằng với các khoản nợ phải thu, phải trả. Giảm chi phí hàng tồn kho ở mức thấp nhất để đảm bảo ổn định dòng tiền.

6. Công tác đầu tư: Xây dựng và đưa vào sử dụng khu thương mại giới thiệu sản phẩm trong khuôn viên Nhà máy Bia Phú Lý. Xây dựng dự án Trung tâm hội nghị và tổ chức sự kiện tại 104 -106 Trần Phú - TP Phú Lý nhằm khai thác hiệu quả cơ sở hạ tầng sẵn có.

7. Thực hiện tiết kiệm trong công tác quản lý hành chính:

- Nghiêm túc thực hiện các biện pháp tiết kiệm để giảm các chi phí, hạn chế tối đa việc lãng phí trong công tác quản lý hành chính và trong sản xuất. Quản lý ngày công làm việc phù hợp kế hoạch sản xuất, tránh lãng phí và nâng cao kỷ luật lao động và năng suất lao động. Quản lý chặt chẽ chi phí hành chính.

- Cải tạo hoàn thiện từng bước cơ sở hạ tầng: sắp xếp lại kho bãi; giảm thời gian lấy hàng hóa trong việc giao - nhận, xuất - nhập và chống mọi biểu hiện gian lận hàng hóa, tài sản trong việc giao - nhận.

8. Tiếp tục thực hiện công tác huấn luyện, đào tạo tại chỗ, chuẩn hóa quy trình công việc và trình độ của cán bộ quản lý; Chú trọng khâu đào tạo lại ở các vị trí còn tri thức, hay phạm lỗi.

9. Cập nhật qui định mới của Nhà Nước về chế độ, chính sách của người lao động để kịp thời điều chỉnh chính sách, chế độ cho người lao động theo qui định của pháp luật.

10. Cải thiện môi trường làm việc; đảm bảo vệ sinh, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự, cảnh quan môi trường "xanh - sạch - đẹp". Đảm bảo tuyệt đối an toàn trong sản xuất, an ninh và an toàn PCCC tại các nhà máy trong Tập đoàn.

BAN ĐIỀU HÀNH

Công Ty Cổ Phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P Nguyễn Thái Bình
Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Số: 01/2024/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
TP Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2023

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
 - Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023
- Hội đồng quản trị kính trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023 như sau:

STT	Diễn giải	Tỷ lệ	Kế hoạch năm 2023	Tỷ lệ	Thực hiện năm 2023	KH23/TH23
			Tổng cộng		Tổng cộng	
	Sản lượng		269.500.000		175.578.388	65
	Doanh thu		2.923.144.298.861		2.020.187.383.885	69
1	Lợi nhuận trước thuế thực tế		40.599.142.060		(53.490.266.311)	(132)
	Lợi nhuận trước thuế tính thuế TNDN		40.599.142.060		(133.208.770.902)	(328)
2	Thuế thu nhập Doanh nghiệp		3.427.984.000		19.017.987.467	554,79
	Thuế TNDN tính theo thuế suất phổ thông (20%)	20%	3.427.984.000	20%	2.736.710.824	79,83
	Thuế TN hoãn lại				16.281.276.643	
	Thuế TNDN phải nộp		3.427.984.000		19.017.987.467	554,79
3	Lợi nhuận sau thuế		37.171.158.060		(152.226.758.369)	(509,53)
4	Trích lập quỹ					
	Bổ sung quỹ phát triển SXKD (phần thuế TNDN được miễn giảm)					
	Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh					
	Quỹ dự phòng tài chính (*)	5%				
	Quỹ khen thưởng phúc lợi					
5	Lợi nhuận còn lại sau trích quỹ/VDL		37.171.158.060		(152.226.758.369)	(509,53)
6	Lợi nhuận năm trước chuyển sang		181.297.312.777		201.609.284.376	111
7	Vốn góp cổ đông		875.245.360.000		875.245.360.000	100
8	Chia cổ tức 2022		43.762.268.000	5%	43.762.268.000	
9	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm sau		174.706.202.837		5.620.258.007	

Trân trọng kính trình

PM. Hội đồng quản trị
Chữ ký
Vân Thanh Liêm

Công Ty Cổ Phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P Nguyễn Thái Bình
Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Số: 02/2024/TT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 6 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2024

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
 - Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024
- Hội đồng quản trị kính trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2024 như sau:

STT	Diễn giải	Tỷ lệ	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ	Kế hoạch năm 2024	KH24/TH23
			Tổng cộng		Tổng cộng	3
	Sản lượng		175.578.388		209.700.000	119
	Doanh thu		2.020.187.383.885		2.401.075.251.621	119
1	Lợi nhuận trước thuế thực tế		(133.208.770.902)		(22.862.782.782)	
	Lợi nhuận trước thuế tính thuế TNDN		(133.208.770.902)		(22.862.782.782)	
2	Thuế thu nhập Doanh nghiệp		19.017.987.467		4.281.519.702	22,51
	Thuế TNDN tính theo thuế suất phổ thông (20%)	20%	2.736.710.824	20%	4.281.519.702	156,45
	Thuế TN hoãn lại		16.281.276.643			-
	Thuế TNDN phải nộp		19.017.987.467		4.281.519.702	22,51
3	Lợi nhuận sau thuế		(152.226.758.369)		(27.144.302.484)	
4	Trích lập quỹ					
	Bổ sung quỹ phát triển SXKD (phần thuế TNDN được miễn giảm)		-			
	Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh		-			
	Quỹ dự phòng tài chính (*)	5%	-			
	Quỹ khen thưởng phúc lợi		-			
5	Lợi nhuận còn lại sau trích quỹ/VDL		(152.226.758.369)		(27.144.302.484)	
6	Lợi nhuận năm trước chuyển sang		201.609.284.376		5.620.258.007	3
7	Vốn góp cổ đông		875.245.360.000		875.245.360.000	100
8	Chia cổ tức 2022		43.762.268.000	5%		
9	Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm sau		5.620.258.007		(21.524.044.477)	

Trân trọng kính trình

TM. Hội đồng quản trị
Chức tích

Văn Thanh Liêm

CTy Cổ Phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P Nguyễn Thái Bình
Quận I, TP Hồ Chí Minh

Số: 03 / 2024 / TT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 6 năm 2024

Quyết toán

Về thủ lao Hội Đồng Quản Trị và Ban kiểm soát năm 2023

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây
- Căn cứ nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023

Hội đồng quản trị kính trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua quyết toán thủ lao Hội đồng quản trị năm 2023 như sau:

Thủ lao Hội đồng quản trị	528.000.000
Thủ lao Ban kiểm soát	114.000.000
Tổng cộng	642.000.000

Kính trình Đại Hội đồng cổ đông
Trân trọng

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Văn Thanh Liêm

CTy Cổ Phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P Nguyễn Thái Bình
Quận 1 TP Hồ Chí Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 04/2024/TTr-HĐQT

TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 6 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban kiểm soát năm 2024

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây
- Căn cứ nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023
- Căn cứ Kế hoạch tài chính năm 2024

Hội đồng quản trị kính trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua thù lao Hội đồng quản trị năm 2024 như sau:

Thù lao Hội đồng quản trị	528.000.000
Thù lao Ban kiểm soát	114.000.000
Tổng cộng	642.000.000
Kính trình Đại Hội đồng cổ đông	
Trân trọng	



Văn Thanh Liêm

Số: 05/2024/TTr-HĐQT

Tp. HCM, ngày 12 tháng 06 năm 2024

TỜ TRÌNH

(V/v: Lựa chọn Công ty Kiểm toán)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ("Quốc hội") thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021 ("Luật Doanh nghiệp");
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội Cổ đông thông qua việc Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán phù hợp để kiểm toán năm tài chính năm 2024.

Kính trình Đại hội cổ đông phê duyệt.



Văn Thanh Liêm

Số: 06 /2024/TTr-HĐQT

Tp. HCM, ngày 12 tháng 06 năm 2024

TỜ TRÌNH

(V/v: Gia hạn nhiệm kỳ HĐQT, BKS 2018-2023)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ("Quốc hội") thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021 ("Luật Doanh nghiệp");
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây ("Điều lệ").

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát hiện tại có nhiệm kỳ từ năm 2018 đến năm 2023, đến nay đã hết nhiệm kỳ và được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc gia hạn nhiệm kỳ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Tuy nhiên theo thông báo của Hội đồng quản trị gửi đến các cổ đông của CTCP Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây ngày 15/07/2022 về việc Đăng ký bán cổ phần cho nhà đầu tư, các công việc và thủ tục bán cổ phần cho nhà đầu tư hiện tại vẫn đang được thực hiện và chưa hoàn thành.

Do đó Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét cho phép Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được gia hạn nhiệm kỳ đến thời điểm hoàn tất thủ tục bán cổ phần cho nhà đầu tư, để đảm bảo cho trình tự thủ tục và các công việc thực hiện được xuyên suốt, thống nhất. Đến khi thủ tục bán cổ phần cho nhà đầu tư hoàn tất và có cơ cấu cổ đông mới, Hội đồng quản trị sẽ tổ chức thực hiện việc bầu lại Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cho nhiệm kỳ mới.

Kính trình Đại hội cổ đông phê duyệt.



Văn Thanh Liêm

Số: 07/2024/TT-HĐQT

TP.HCM Ngày 13 tháng 06 năm 2024

TỜ TRÌNH

(Về việc hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận chưa phân phối để chi trả cổ tức bằng tiền)

- Từ năm 2020 đến năm 2023 là những năm liên tục khó khăn đối với ngành bia, rượu nói chung và của Công ty CPTĐ Bia Sài Gòn Bình Tây (Tập đoàn) nói riêng, bởi ảnh hưởng kép từ Luật phòng chống tác hại của rượu bia (Nghị định 100, có hiệu lực từ 01/01/2020) và dịch bệnh COVID-19 bùng phát vào những ngày đầu của năm 2020. Do đó Sản lượng bia gia công mà SABECO giao cho các Công ty trong Tập đoàn sản xuất sụt giảm dần qua các năm. Bên cạnh đó giá nguyên vật liệu đầu vào, điện, nước đều tăng nhưng giá bán ra không tăng. Đồng thời là các khoản chi phí cố định (như khấu hao, chi phí bao bì chai kết) vẫn phải phân bổ vào giá vốn hàng bán do công suất thực tế không đạt so với công suất thiết kế của các nhà máy trong Tập Đoàn, Vì vậy, Công ty lỗ 3 năm liên tục làm cho LN CPP sụt giảm tương ứng với các khoản lỗ trên báo cáo hợp nhất, mặc dù Công ty lỗ liên tục nhưng vẫn chia cổ tức cho cổ đông bằng lợi nhuận chưa phân phối (LN CPP) tích lũy từ trước, cho các năm từ 2021 đến 2022.
- Mặc dù đến 31/12/ 2023 LN CPP chỉ còn 5.620.258.007 đồng. Nhưng Công ty đã căn cứ vào Đại Hội Cổ đông năm 2023 đã được thông qua ngày 17/06/2023 mà chia cổ tức cho Cổ Đông với tỉ lệ là 5% tương ứng với số tiền là 43.762.268.000 đồng trong tháng 4 năm 2024.
- Nay kính trình Đại hội Cổ đông cho hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận chưa phân phối để chia cổ tức bằng tiền năm 2023, 2024 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ (năm 2023 5% & năm 2024 5%)
- Trân trọng kính trình Đại hội Cổ đông.



Văn Thanh Liêm